



BÁO CÁO

***Hoạt động hỗ trợ Bộ Công Thương cải thiện Chứng nhận xuất xứ,
và khởi động chương trình tự chứng nhận xuất xứ của ASEAN
(Mã hoạt động ICB-4 PE2)***

Bản cuối cùng

Hà Nội, (tháng 7, 8 năm 2016)

Tác giả: Brian Staples

Stefan Moser

Các chuyên gia trong nước

Tài liệu này được soạn thảo với sự hỗ trợ tài chính từ Ủy ban châu Âu. Quan điểm trong tài liệu này là của tác giả và vì vậy không thể hiện quan điểm chính thức của Ủy ban châu Âu cũng như Bộ Công Thương.

MỤC LỤC

1	TÓM TẮT	1
2	TỔNG QUAN NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG.....	1
2.1	Tóm lược lại hoạt động đầu năm 2015	1
	Hoạt động đầu tiên về nguồn gốc xuất xứ đã được tiến hành trong khuôn khổ hoạt động mang mã hiệu ICB-4 trong năm hoạt động đầu tiên PE1. Hoạt động này gồm hai mục tiêu:	
2.2	PE 2 – Mục tiêu của hoạt động theo Điều khoản tham chiếu.....	1
2.3	Các sản phẩm đầu ra theo yêu cầu của Điều khoản tham chiếu	1
2.4	Mục tiêu hoạt động có thay đổi nhỏ sau cuộc gặp đầu tiên với bên hưởng lợi, chuyên gia trong nước và đại diện một số doanh nghiệp.....	3
3	CÁC VẤN ĐỀ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ	4
3.1	Hệ thống tự chứng nhận xuất xứ hiện tại của Việt Nam.....	4
3.2	So sánh các cơ chế chứng nhận xuất xứ	4
3.3	Rà soát khuôn khổ pháp lý của Việt Nam.....	5
3.4	Rà soát mẫu đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ.....	6
4	CÁC CUỘC HỌP VÀ HỘI THẢO	6
4.1	Các cuộc họp tại Thành phố Hồ Chí Minh	6
4.1.1	Cuộc họp ngày 11 tháng 4 năm 2016 với VITAS	7
4.1.2	Cuộc họp ngày 12 tháng 4 năm 2016 với VASEP	8
4.2	Các cuộc họp tại Hà Nội	9
4.2.1	Cuộc họp với Đơn vị Chứng nhận xuất xứ (EcoSys) thuộc Bộ Công Thương	9
4.2.2	Cuộc họp với VCCI.....	10
4.3	Phỏng vấn “trực tiếp” các doanh nghiệp ưu tiên	10
4.4	Ý nghĩa của các kết quả và đề xuất.....	10
5	ĐÁNH GIÁ NHU CẦU ĐÀO TẠO	11
5.1	Vai trò của việc đánh giá nhu cầu đào tạo	11
5.2	Phương thức đánh giá nhu cầu đào tạo	11
5.3	Kết quả và số liệu thu thập được qua hai buổi hội thảo tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh và qua các cuộc họp	11
5.4	Kinh nghiệm quốc tế.....	12
5.5	Đề xuất.....	12
6	KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT.....	13
6.1	Đề xuất chung	13
6.2	Các đề xuất đối với cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của Việt Nam.....	14
7	PHỤ LỤC.....	1
7.1	Phụ lục 1 – Phân công nhiệm vụ hoạt động.....	1
7.2	Phụ lục 2 – Đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ.....	6
7.3	Phụ lục 3 – Phiếu điều tra về xuất xứ	21

7.4	Phụ lục 4 – Bảng so sánh – rà soát khuôn khổ pháp lý (Thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương)	29
7.5	Phụ lục 5 – Đánh giá nhu cầu đào tạo.....	35
7.6	Phụ lục 6 – Đánh giá phiếu điều tra.....	47
7.7	Phụ lục 7 – Phân phân tích đặc biệt – FTA và tác động của quy tắc xuất xứ (QTXX) đối với ngành dệt may Việt Nam.....	51

1 TÓM TẮT

Chuyến công tác đầu tiên của hai chuyên gia cấp cao diễn ra từ ngày 28 tháng 3 đến ngày 14 tháng 4 năm 2016. Chuyên gia DMI1 thực hiện thêm một chuyến công tác thứ hai vào tháng 5 năm 2015 nhằm thu thập thêm thông tin và tham gia vào hai hội thảo, một tại Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 24 tháng 5 năm 2016) và một tại Hà Nội (ngày 26 tháng 5 năm 2016).

Trong chuyến công tác đầu tiên, cuộc họp khởi động được sắp xếp vào ngày 29 tháng 3 năm 2016 với sự có mặt của các đại diện đến từ Bộ Công Thương, của các chuyên gia trong nước và các doanh nghiệp.

Có một vài sự thay đổi nhỏ trong mục tiêu chính của hoạt động lần này, bởi Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ vào tháng 8 năm 2015. Tuy nhiên, Bộ Công Thương đề nghị chuyên gia phân tích và cho ý kiến về Thông tư trên vì có một số doanh nghiệp rất quan tâm đến cơ chế tự chứng nhận xuất xứ nhưng vẫn lo ngại về các yêu cầu ngặt nghèo trong đó.

2 TỔNG QUAN NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG

2.1 Tóm lược lại hoạt động đầu năm 2015

Hoạt động đầu tiên về nguồn gốc xuất xứ đã được tiến hành trong khuôn khổ hoạt động mang mã hiệu ICB-4 trong năm hoạt động đầu tiên PE1. Hoạt động này gồm hai mục tiêu:

- Xác định chi phí, lợi ích và thách thức khi đưa cơ chế tự chứng nhận xuất xứ vào cộng đồng doanh nghiệp và nhà nước; và
- Phân tích các thực hành quốc tế tốt nhất trong tự chứng nhận xuất xứ

Báo cáo và tài liệu hội thảo của hoạt động này là tư liệu giúp chuyên gia tiến hành hoạt động tiếp theo trong năm hoạt động thứ hai PE2.

Bối cảnh và nhu cầu thương mại được xác định trong Điều khoản tham chiếu của hoạt động trong PE1 vẫn áp dụng được cho hoạt động lần này.

2.2 PE 2 – Mục tiêu của hoạt động theo Điều khoản tham chiếu

Chính phủ Việt Nam đang tìm cách khiến khu vực tư nhân tham gia vào quá trình thực hiện tự chứng nhận xuất xứ bằng cách thu thập ý kiến của họ. Xem xét các thông tin thu thập được, Chính phủ đã xây dựng một văn bản pháp lý nhằm thực hiện tự chứng nhận xuất xứ. Tuy nhiên, văn bản pháp lý này, được ban hành vào tháng 8 năm 2015, vẫn chưa thể thực thi được do có một số yêu cầu khá khắt khe.

2.3 Các sản phẩm đầu ra theo yêu cầu của Điều khoản tham chiếu

Các đầu ra

1. Phiếu điều tra chi tiết về tự chứng nhận xuất xứ dành cho doanh nghiệp: Trong đó bao gồm khuôn khổ pháp lý và mẫu đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ kèm các câu hỏi cụ thể liên quan đến tự chứng nhận xuất xứ, bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi:
 - Phương thức lưu giữ các lần đăng ký của các công ty tự chứng nhận xuất xứ và các thông tin yêu cầu cho việc đăng ký (ví dụ như mã số thuế, cơ cấu tổ chức và nghĩa vụ phải thông báo cho Bộ Công Thương biết về bất kỳ thay đổi nào về các yếu tố đó);

- Đơn đăng ký & Nội dung đăng ký: Bao gồm các thông tin nêu trên, ngoài ra còn có các thông tin và tài liệu hỗ trợ liên quan đến:
 - Hồ sơ vi phạm trước đây nếu có.
 - Tóm lược về các chứng nhận xuất xứ đã xin đăng ký trong một vài năm gần đây (ví dụ như đã đăng ký bao nhiêu lần, bị từ chối/trả về bao nhiêu lần, được chứng nhận bao nhiêu lần và làm sao để được chứng nhận...).
 - Các bằng chứng bổ sung về kiến thức xuất xứ: các khóa học xuất xứ đã tham gia, phần mềm xuất xứ, hệ thống quản lý xuất xứ, sổ tay quy trình kinh doanh đối với xác định và chứng nhận xuất xứ, sử dụng chuyên môn xuất xứ của bên thứ ba và hệ thống HS.
 - Các yêu cầu lưu trữ
 - Các cam kết liên quan đến hồ sơ, chứng nhận và xác nhận xuất xứ
 - Các hành vi thiện chí ví dụ như tự nguyện tiết lộ về các lỗi sai
 - Các chế tài và phạt hành chính đối với vi phạm
 - Các biện pháp nhằm định kỳ xác thực kiến thức về xuất xứ của các doanh nghiệp tự chứng nhận và tính chính xác của kết quả chứng nhận của họ. TPP và/hoặc cơ chế Nhà xuất khẩu tự đăng ký của EU có thể yêu cầu điều này.
 - Các điều khoản cho phép sửa đổi trong tương lai
 - Các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp và đối tác thương mại
2. Báo cáo tóm lược và phân tích các ý kiến đóng góp bởi doanh nghiệp đối với dự thảo khuôn khổ pháp lý tự chứng nhận xuất xứ và đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ;
 3. Các đề xuất đối với khuôn khổ pháp lý tự chứng nhận xuất xứ và đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ;
 4. Tư vấn trả lời các câu hỏi do bên hưởng lợi đặt ra liên quan đến việc thực thi dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ lần thứ hai của ASEAN, trong đó hỗ trợ lựa chọn các công ty tham gia vào dự án;
 5. Báo cáo tham vấn về việc thực hiện phân tích nhu cầu đào tạo về xuất xứ;
 6. Tổ chức hai tọa đàm giới thiệu dự thảo khuôn khổ pháp lý và đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ cho doanh nghiệp;
 7. Báo cáo ngắn (tối đa 1 trang) về các phát hiện và thành tựu của hoạt động; sẽ được xuất bản trên Bản tin của Dự án EU-MUTRAP; và
 8. Báo cáo ngắn (tối đa 2 trang) về các thành tựu đạt được cũng như các khó khăn gặp phải và các hoạt động tiếp nối đề xuất.

Báo cáo hoạt động cũng bao gồm phần tóm tắt sơ lược về kết quả đánh giá của đại biểu, đề xuất ngắn gọn các hoạt động tiếp nối cụ thể nên thực hiện và đề nghị thực hiện các hoạt động xây dựng năng lực đối với chủ đề cụ thể của hội thảo.

2.4 Mục tiêu hoạt động có thay đổi nhỏ sau cuộc gặp đầu tiên với bên hưởng lợi, chuyên gia trong nước và đại diện một số doanh nghiệp

Trong chuyên công tác đầu tiên của chuyên gia, hai cuộc họp quan trọng đã diễn ra tại Dự án EU-MUTRAP. Đầu tiên là cuộc họp điều phối giữa Bộ Công Thương, cán bộ Dự án, chuyên gia quốc tế và chuyên gia trong nước vào ngày 29 tháng Ba năm 2016. Cuộc họp thứ hai diễn ra vào ngày 6 tháng 4 năm 2016. Theo đó, các nhân tố sau đã khiến cho mục tiêu hoạt động thay đổi:

- Thời gian: Bộ Công Thương đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ theo dự án thí điểm ASEAN 2 (Thông tư 28/2015/TT-Bộ Công Thương ngày 20 tháng 8 năm 2015);
- Không tiến hành chọn lựa doanh nghiệp tham gia vào dự án thí điểm lần 2 này. Bộ Công Thương đã nhận ra được các hạn chế không thực tiễn của thông tư;
- Rà soát thay vì chỉ dự thảo khuôn khổ pháp lý, và tập trung vào cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của ASEAN mà không phải là dự án thí điểm 2, tiến hành dựa trên các đầu vào cung cấp bởi doanh nghiệp và các thực hành quốc tế tốt nhất. Ngoài ra còn tập trung vào việc thực thi EVFTA.
- Việt Nam nhận ra rằng văn bản pháp lý đầu tiên này quá khắt khe và vì thế phải rà soát thông tư này sao cho giải quyết được các thách thức phía trước, bao gồm:
 - o Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ ASEAN - ATIGA;
 - o Thực thi EVFTA, trong đó có cơ chế nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận;
 - o Các vấn đề thực thi TPP liên quan đến tự chứng nhận xuất xứ
 - o Theo Điều khoản tham chiếu, FTA Việt Nam – Hàn Quốc cũng yêu cầu Việt Nam phải thực thi cơ chế tự chứng nhận xuất xứ.

Hoạt động ICB-4 lần này được thực hiện bởi hai chuyên gia cấp cao (gọi là chuyên gia “DMI 1” và “DMI 2” và năm chuyên gia trong nước (gọi là chuyên gia AMDI 1 – 5). Nhiệm vụ cụ thể của từng chuyên gia được mô tả chi tiết tại **Phụ lục 1**.

Vì bên hưởng lợi yêu cầu định hướng lại hoạt động, nhiệm vụ và nội dung các sản phẩm đầu ra có khác đi so với kế hoạch trong PE2. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng gì tới mục tiêu chung của hoạt động hay các nguồn lực phân bổ cho hoạt động này. Nhìn chung, DMI 1 và AMDI 1 chịu trách nhiệm tổng thể đối với hoạt động và kết quả công tác của DMI 2 và AMDI 2-5.

Chuyên gia DMI 2 và AMDI 2-5 trực tiếp chịu trách nhiệm đối với một số nhiệm vụ chut chót và giám sát công tác của các chuyên gia khác. DMI 2 hỗ trợ DMI 1 trong một số nhiệm vụ và trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ số 10. AMDI 2 cũng tập trung vào nhiệm vụ số 10, bên cạnh đó còn hỗ trợ AMDI 1 trong một số nhiệm vụ. Các chuyên gia AMDI 3 – 5 chủ yếu tham gia vào nhiệm vụ số 5 và số 7 – tổng hợp và phân tích toàn diện về các ý kiến phản hồi thu thập được – và hỗ trợ tổ chức các buổi hội thảo cũng như chuẩn bị tài liệu phát cho doanh nghiệp.

3 CÁC VẤN ĐỀ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

3.1 Hệ thống tự chứng nhận xuất xứ hiện tại của Việt Nam

Cơ chế truyền thống yêu cầu Bộ Công Thương phải phát hành chứng nhận xuất xứ khi nhà xuất khẩu đăng ký (Xem Phụ lục A). Với Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), ASEAN đã nhận ra vai trò quan trọng của quy tắc xuất xứ trong việc biến mong muốn hàng hóa được lưu thông tự do trong khu vực thành hiện thực. Để đạt được điều này, ASEAN thống nhất đặt ra các quy tắc xuất xứ đáp ứng được các thay đổi liên tục trong quy trình sản xuất toàn cầu, nhằm: thuận lợi hóa thương mại và đầu tư trong khu vực; xúc tiến mạng lưới sản xuất khu vực và khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nhận ra nhu cầu cần hợp lý hóa quy tắc xuất xứ để tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại hàng hóa xuất xứ ASEAN, Hội đồng AFTA lần thứ 23 tại Bangkok vào tháng 8 năm 2009 đã thông qua “*Kế hoạch làm việc hướng tới hiện thực hóa hoạt động tự chứng nhận xuất xứ*”.

Theo Kế hoạch làm việc này, tất cả các quốc gia thành viên sẽ thực thi cơ chế Tự chứng nhận xuất xứ ASEAN vào năm 2012. Ngày 1 tháng 11 năm 2012, ba quốc gia thành viên tham gia là Brunei, Malaysia và Singapore đã bắt đầu tiến hành một dự án thí điểm một năm nhằm khởi động Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ ASEAN. Tháng 10 năm 2011, Thái Lan đã tham gia vào dự án này. Philippines, Indonesia và Lào đã ký Biên bản ghi nhớ nhằm thực thi dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ lần 2 vào tháng 8 năm 2012 với một số sửa đổi so với dự án thí điểm ban đầu (ví dụ như hạn chế chỉ các “nhà sản xuất” có thể chỉ định tối đa ba chữ ký ủy quyền dành riêng cho các khai báo trên hóa đơn và chia sẻ tên của những người này cho Thư ký ASEAN). Việt Nam đã tham gia vào dự án thí điểm thứ hai và đã ban hành Thông tư 28/2015/TT-Bộ Công Thương ngày 20 tháng 8 năm 2015 để đáp ứng các yêu cầu của dự án này.

3.2 So sánh các cơ chế chứng nhận xuất xứ

Cơ chế truyền thống	Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong dự án thí điểm lần 2 của ASEAN
1. Nhà sản xuất trong nước muốn xuất khẩu theo cơ chế ưu đãi/FTA	Nhà sản xuất trong nước muối xuất khẩu theo cơ chế ưu đãi/FTA
2. Cơ quan có thẩm quyền có thể đến thăm nhà sản xuất trong nước để xác định tính hợp lệ của sản phẩm	Nhà sản xuất trong nước phải đăng ký tư cách nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận và cơ quan có thẩm quyền có thể đến thăm để xác định tính hợp lệ của nhà sản xuất.
3. Nhà sản xuất trong nước xác định xem hàng hóa của họ có xuất xứ không và nếu có thì họ sẽ chuẩn bị tờ khai xuất xứ dựa trên các chứng từ hỗ trợ - nhà sản xuất chịu trách nhiệm đối với tờ khai xuất xứ của họ	Nhà sản xuất trong nước xác định xem hàng hóa của họ có xuất xứ không và đảm bảo an toàn cho các chứng từ hỗ trợ liên quan – nhà sản xuất chịu trách nhiệm đối với các khai báo xuất xứ của họ

4. Tờ khai xuất xứ của nhà sản xuất trong nước được chứng nhận bởi cơ quan có thẩm quyền và hàng hóa xuất khẩu	Nhà sản xuất trong nước đã được chấp thuận là nhà xuất khẩu đủ điều kiện thì chỉ cần khai xuất xứ hàng hóa xuất khẩu trên hóa đơn
5. Cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất khẩu giám sát tờ khai ưu đãi theo thời gian	Cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất khẩu giám sát các khai báo ưu đãi theo thời gian
6. Cơ quan có thẩm quyền tại nước nhập khẩu giám sát hàng nhập khẩu được ưu đãi và yêu cầu xác minh khi nghi ngờ có rủi ro trên cơ sở ngẫu nhiên	Cơ quan có thẩm quyền tại nước nhập khẩu giám sát hàng nhập khẩu được ưu đãi và yêu cầu xác minh khi nghi ngờ có rủi ro trên cơ sở ngẫu nhiên
7. Cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất khẩu tiến hành xác minh và thông báo cho nước nhập khẩu về kết quả xác minh – trường hợp có gian lận về xuất xứ, có thể áp dụng các biện pháp chế tài và phạt hành chính	Cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất khẩu tiến hành xác minh và thông báo cho nước nhập khẩu về kết quả xác minh – trường hợp có gian lận về xuất xứ, có thể áp dụng các biện pháp chế tài và phạt hành chính

3.3 Rà soát khuôn khổ pháp lý của Việt Nam

(Thông tư 28/2015/TT-Bộ Công Thương ngày 20 tháng 8 năm 2015)

Phần phân tích đánh giá khuôn khổ pháp luận được trình bày tại **Phụ lục 4**.

Có thể nói rằng, với các thông tin phản hồi của doanh nghiệp trong phiếu điều tra thu thập sau hai hội thảo tháng 5 năm 2016 (xem Phụ lục 6), các đề xuất bởi các chuyên gia cấp cao trong hoạt động ICB-4 lần thứ nhất được xác nhận là đúng đắn.

Các đề xuất chính có thể tóm tắt như sau:

- Áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ cho cả nhà sản xuất, nhà xuất khẩu và thương nhân;
- Loại bỏ yêu cầu giới hạn doanh thu USD khi đăng ký tự chứng nhận xuất xứ;
- Thay vào đó, sử dụng yêu cầu về hồ sơ xuất khẩu cho việc đăng ký cơ chế nào để tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp hơn. Vì vậy nên thiết lập yêu cầu linh hoạt về các chứng từ trong quá khứ và sản lượng xuất khẩu tương lai, ví dụ như 30 đơn đăng ký một tháng;
- Nên áp dụng tự chứng nhận xuất xứ cho các doanh nghiệp Việt Nam và cả doanh nghiệp FDI, đặc biệt là ngành dệt may vì ngành này có một lượng lớn các doanh nghiệp FDI;
- Xử lý vi phạm nhỏ khi áp dụng QTXX một cách linh hoạt; Chỉ nên loại bỏ doanh nghiệp khỏi cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi phạm phải vi phạm nghiêm trọng;

- Loại bỏ yêu cầu đào tạo bắt buộc và thay thế bằng một yêu cầu linh hoạt là chứng minh kiến thức xuất xứ;

3.4 Rà soát mẫu đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ

Các chuyên gia chú trọng vào việc xây dựng đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ (xem **Phụ lục 2**).

Các chuyên gia đã cân nhắc các cách tiếp cận khác nhau đối với tự chứng nhận xuất xứ trong hai dự án thí điểm ASEAN lần 1 và 2, từ Malaysia, Thái Lan, Philippines đến Việt Nam. Các chuyên gia cũng nhận ra rằng một số nước đã đạt được mức độ nhà sản xuất/xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ khá cao, đặc biệt là Hàn Quốc.

Ngoài ra, các điều kiện để đạt được tư cách nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận trong EU và EFTA cũng được cân nhắc. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, có thể nhận biết rõ ràng về cách thức hoạt động của cơ chế tự chứng nhận xuất xứ từ hệ thống REX của EU, đây là cơ chế nhà xuất khẩu đăng ký của các nước đang phát triển, và các cách thức áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ từ Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Mẫu đơn đăng ký mới là một văn bản toàn diện nhằm vào ba mục tiêu sau:

- Thứ nhất, đây là đơn đăng ký chính và chứa toàn bộ thông tin về người nộp đơn, sản phẩm và quy trình sản xuất của họ.
- Thứ hai, đơn này có thể được sử dụng để xác nhận xuất xứ (không chỉ cho trường hợp tự chứng nhận xuất xứ và cho cả trường hợp chứng nhận xuất xứ thông thường);
- Thứ ba, mẫu đơn này cũng có thể kiểm tra được kiến thức về xuất xứ của người nộp đơn

Có thể sẽ có vài ý kiến cho rằng mẫu đơn khá phức tạp, nhưng người nộp đơn chỉ cần làm một lần. Mẫu đơn dạng này cũng giúp cho người nộp đơn tự tin rằng họ xác định đúng xuất xứ hàng hóa theo hiệp định thương mại tự do họ lựa chọn áp dụng vì trong quá trình đăng ký, Bộ Công Thương có thể dễ dàng xác nhận mọi thông tin và đưa ra phản hồi phù hợp nếu cần thiết.

Phần thưởng cho công việc bàn giấy ban đầu này là nhà xuất khẩu có thể lựa chọn tự chứng nhận xuất xứ, tạo điều kiện rất lớn cho việc xác nhận bằng chứng xuất xứ trực tiếp ngay trên hóa đơn hoặc các chứng từ thương mại khác.

Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, đây cũng là một cơ hội cho Việt Nam đưa ra một hệ thống tự chứng nhận không có sơ hở, tăng cường sự chấp thuận các chứng nhận xuất xứ tự ban hàng trong ASEAN. Sự chấp thuận này sẽ ít vấn đề hơn trong khuôn khổ EVFTA tương lai vì cơ chế nhà xuất khẩu đủ điều kiện đã là một thực hành phổ thông hơn 40 tại châu Âu (một số nước EU có thời gian thực hành dài hoặc ngắn hơn).

4 CÁC CUỘC HỌP VÀ HỘI THẢO

4.1 Các cuộc họp tại Thành phố Hồ Chí Minh

Trong buổi họp khởi động ngày 29 tháng 3, anh Hoài Nam đến từ Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEM) cho rằng có thể hiện thực hóa tốt hơn mục tiêu của hoạt động nếu gặp mặt trực tiếp với Tổng thư ký VASEP và các thành viên VASEP tại Tp. Hồ Chí

Minh. Do đó anh Nam đã mời các chuyên gia đến họp tại trụ sở của VASEP tại Tp. HCM và giáo sư Claudio Dordi đã chấp thuận lời mời này.

Ngay sau khi chuyến đi công tác được chấp thuận, chị Bùi Hoàng Linh lập tức sắp xếp các cuộc gặp tương tự với các đại diện ngành may mặc (Hiệp hội dệt may Việt Nam – VITAS) tại Tp. HCM bởi trong cuộc họp khởi động, các đại diện ngành này cũng bày tỏ những mối quan tâm tương tự anh Nam.

Chị Linh đã sắp xếp được cuộc họp với VITAS vào ngày 11 tháng 4 và VASEP vào ngày 12 tháng 4. Chị Linh đã đi cùng chuyên gia Staples đến các cuộc gặp này – giúp hỗ trợ công tác hậu cần và phiên dịch trong suốt hai ngày làm việc. Phần dưới đây tóm lược lại nội dung và kết quả của hai buổi họp hữu ích này.

4.1.1 Cuộc họp ngày 11 tháng 4 năm 2016 với VITAS

Giáo sư Claudio Dordi bắt đầu cuộc họp bằng cách giới thiệu chung về tổng thể dự án EU-MUTRAP và đề cương chi tiết về hoạt động xuất xứ. Sau đó tất cả đại biểu tham gia cuộc họp đã lần lượt giới thiệu chi tiết về công ty/tổ chức của họ cũng như vai trò cụ thể của họ trong tổ chức. Một vài công ty là nhà cung cấp của các hãng lớn tại Hoa Kỳ và EU còn thương mại với ASEAN thì khá hạn chế.

Tiếp theo, chuyên gia Staples khẳng định mục tiêu của hoạt động là hỗ trợ Bộ Công Thương xác định và xây dựng văn bản định hướng tự chứng nhận xuất xứ của Việt nam cho các chính sách và cam kết tự chứng nhận xuất xứ cuối cùng của SSEAN, nhấn mạnh vào cơ chế Nhà xuất khẩu đủ điều kiện/được chứng nhận và quy trình xác nhận. Các vấn đề sau đã được nêu lên và thảo luận:

- Mặc dù các điều khoản tự chứng nhận xuất xứ hoàn toàn trong TPP được mọi người nhận ra là các nghĩa vụ sắp tới trong tương lai gần, cuộc họp với VITAS vẫn tập trung rõ ràng và cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN, phản ánh nhiệm vụ thực thi EVFTA sắp tới/
- Các điều kiện của Thông tư 28 cũng được thảo luận kỹ càng – rất nhiều đại biểu nói rằng họ không bao giờ có thể đáp ứng được các điều kiện của Thông tư này.
- Cấu trúc đặc trưng của ngành may mặc khiến cho ngành này khó có thể đáp ứng được toàn bộ các điều kiện tự chứng nhận xuất xứ trong Thông tư 28/. Gần 70% hàng may mặc xuất khẩu được tạo ra bởi các doanh nghiệp FDI. Phần còn lại được gia công bởi các nhà sản xuất CMT/CMP (<https://qualityinspection.org/cmt-cut-make-trim/>) và chỉ riêng điều này đã tước đoạt khả năng tận dụng thông tư của họ.
- Cần lưu ý là trong phần lớn các hoạt động CMT/CMP, nhà cung cấp quyết định nguồn vải – trên thực tế nhà cung cấp sẽ vận chuyển vải đến cho doanh nghiệp CMT/CMP và trong một số trường hợp thì cho phép họ mua sản phẩm cụ thể từ một nhà máy sản xuất vải cụ thể. Điều này có nghĩa là việc xác định nguồn vải cho mục đích xác định xuất xứ là một quá trình rất đơn giản và có thể truy xuất nguồn gốc được đối với các doanh nghiệp CMT/CMP mong muốn trở thành Nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận/được xác nhận.
- Sau khi thảo luận kỹ lưỡng, mọi người thống nhất rằng quy định lý tưởng về tự chứng nhận xuất xứ nên gồm những điểm sau đây:

- Không hạn chế doanh thu USD đối với người nộp đơn
- Định nghĩa người nộp đơn hợp lệ phải gồm các doanh nghiệp CMT/CMP (tức là các nhà sản xuất vật lý cũng như pháp lý, thương nhân, nhà xuất khẩu...)
- Cải thiện định nghĩa “vi phạm” – loại trừ các vi phạm nhỏ hay vi phạm kỹ thuật
- Các hãng có thể sử dụng kiểm toán để chứng minh khả năng nhận biết xuất xứ của mình
- Cho phép các doanh nghiệp mới đăng ký tự chứng nhận xuất xứ nếu sản lượng sản xuất dự kiến đủ lớn
- Có các chế tài rõ ràng
- Cần linh hoạt để chuyển đổi và có các điều khoản sửa đổi tự nguyện

4.1.2 Cuộc họp ngày 12 tháng 4 năm 2016 với VASEP

Cuộc họp có sự tham gia đông đảo của các doanh nghiệp thủy sản – trong đó có các doanh nghiệp nghĩ rằng họ có thể đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 28.

Chuyên gia Staples tuyên bố mục tiêu của hoạt động là nhằm hỗ trợ Bộ Công Thương xác định và xây dựng văn bản định hướng tự chứng nhận xuất xứ của Việt nam cho các chính sách và cam kết tự chứng nhận xuất xứ cuối cùng của SSEAN, nhấn mạnh vào cơ chế Nhà xuất khẩu đủ điều kiện/được chứng nhận và quy trình xác nhận. Sau đó tất cả đại biểu tham gia cuộc họp đã lần lượt giới thiệu chi tiết về công ty/tổ chức của họ cũng như vai trò cụ thể của họ trong tổ chức. Một vài công ty là nhà cung cấp của các hãng lớn tại Hoa Kỳ và EU còn thương mại với ASEAN thì khá hạn chế.

Trước khi bắt đầu thảo luận, anh Nguyễn Bình An đã giới thiệu tổng quan về các hoạt động nuôi trồng tôm và cá ba sa và so sánh với hoạt động đánh bắt thủy sản. Mặc dù có một số doanh nghiệp thực hiện toàn bộ chuỗi cung ứng theo chiều dọc, hầu hết các sản phẩm (làm sẵn để ăn ngay và làm sẵn để nấu ngay) đều được bán cho bên môi giới để rồi sau đó họ cung cấp cho các nhà chế biến. Các nhà chế biến như vậy thường là nhà xuất khẩu trên hồ sơ. Một điều thú vị là hầu hết các hoạt động đánh bắt cá thực sự được tiến hành bởi tàu thuyền Việt Nam.

Các đại biểu thảo luận rất lâu về xuất xứ và các khó khăn trong việc truy xuất nguồn gốc gắn liền với chuỗi cung ứng đa dạng cung cấp cá tươi cho các nhà chế biến/nhà máy chế biến cá. Các khó khăn này thậm chí còn trở nên phức tạp hơn khi trong trường hợp, trong một số mùa, cung ứng trong nước được kết hợp với hàng hóa ngoài khơi – điều này không chỉ tạo ra các thách thức về truy xuất nguồn gốc mà còn các thách thức về hàng hóa thay thế.

Đặc điểm đặc trưng này của ngành thủy sản khiến cho phần lớn các doanh nghiệp thủy sản không bao giờ có thể được chứng nhận theo Thông tư 28.

VASEP tập trung chủ yếu vào EVFTA sắp tới và cũng đưa ra các đề xuất giống với VITAS như sau:

- Không hạn chế doanh thu USD đối với người nộp đơn

- Định nghĩa người nộp đơn hợp lệ phải gồm tất cả các doanh nghiệp ngành thủy sản (tức là các nhà sản xuất vật lý cũng như pháp lý, thương nhân, nhà xuất khẩu...)
- Cải thiện định nghĩa “vi phạm” – loại trừ các vi phạm nhỏ hay vi phạm kỹ thuật
- Cho phép các doanh nghiệp mới đăng ký tự chứng nhận xuất xứ nếu sản lượng sản xuất dự kiến đủ lớn
- Có các chế tài rõ ràng
- Cần linh hoạt để chuyển đổi và có các điều khoản sửa đổi tự nguyện

Vào cuối cuộc họp, VASEP nảy ra ý tưởng xây dựng các thực hành tốt nhất hoặc tiêu chuẩn quản lý xuất xứ cho ngành. Như vậy, Bộ Công Thương có thể tự tin hơn khi thành viên VASEP đáp ứng các tiêu chuẩn này nộp đơn đăng ký tự cách Người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận/Người xuất khẩu được xác nhận

Bên cạnh đó, mọi người cũng đã thảo luận rất sôi nổi về các sửa đổi đối với cơ chế truy xuất nguồn gốc hiện tại nhằm đáp ứng mục đích cung cấp bằng chứng xuất xứ. Xem thêm tại đường dẫn sau:

<http://www.brcglobalstandards.com/Manufacturers.aspx>

4.2 Các cuộc họp tại Hà Nội

4.2.1 Cuộc họp với Đơn vị Chứng nhận xuất xứ (EcoSys) thuộc Bộ Công Thương

Hai chuyên gia Brian Staples và Stefan Moser đã gặp anh Vũ Hùng Thịnh, Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu Hà Nội, Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương vào ngày 6 tháng 4 năm 2016. Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu là cơ quan thuộc Bộ Công Thương phụ trách cấp chứng nhận xuất xứ được ưu đãi cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể đăng ký chứng nhận xuất xứ trực tuyến. Tuy nhiên, vì các lý do chấp thuận, bản gốc CO vẫn được phát hành dưới dạng văn bản giấy. Doanh nghiệp có thể lấy bản in CO đã được ký đóng dấu sau khi được chấp thuận.

Trong buổi gặp, anh Vũ Hùng cho biết hầu hết các doanh nghiệp bây giờ đều sử dụng một hệ thống gọi là EcoSys, tức là hệ thống đăng ký điện tử trực tuyến để phát hành chứng nhận xuất xứ (CO). Phần mềm do Bộ Công Thương tự xây dựng và đã suýt phải dừng lại vì thiếu vốn bởi theo Nghị định của chính phủ, mọi loại phí là được miễn cho đến khi có thông báo mới. Vì vậy mà EcoSys là miễn phí. May mắn là mọi việc vẫn được thực thi theo kế hoạch. Các nhà sản xuất tuân thủ tiêu chí “chuyển đổi mã hàng hóa” hoặc đáp ứng một quy tắc sản xuất đều hoàn toàn có thể tiếp cận được hệ thống này. Hệ thống này không áp dụng được với các doanh nghiệp sử dụng tiêu chí hàm lượng nội địa vì phải cần nhiều chứng từ gốc hơn.

Anh Vũ Hùng khẳng định rằng các nhà xuất khẩu ở Tp. HCM và Hà Nội về cơ bản là hiểu các quy tắc xuất xứ, hoặc chí ít là sẵn sàng tìm hiểu thêm. Tuy nhiên vẫn có một bộ phận các nhà xuất khẩu ở phía Bắc thường có xu hướng phớt lờ các quy định này.

Bộ Công Thương mong muốn tăng cường các chức năng của EcoSys nhưng không thể cấp thêm vốn vì không còn nguồn thu từ việc phát hành CO nữa. Ngoài ra, chính phủ Việt Nam vẫn nên thông qua Luật Thương mại điện tử cho phép sử dụng chữ ký điện tử.

4.2.2 Cuộc họp với VCCI

Ngày 7 tháng 4 năm 2016, các chuyên gia cấp cao đã có buổi làm việc với bà Trần Thị Thu Hương, Giám đốc phụ trách về Quy tắc Xuất xứ và phát hành CO của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI.

Bà Hương đã giải thích cho chuyên gia Staple và Moser về quy trình cấp chứng nhận xuất xứ mẫu D (dùng cho GSP đơn phương dành cho các nước đang phát triển) và quy trình cấp chứng nhận xuất xứ không ưu đãi. VCCI đã cấp khoảng 300.000 mẫu B (không ưu đãi) một năm. Các chứng nhận này không bắt buộc khi xuất khẩu ở Việt Nam, mà là do các doanh nghiệp tự nguyện đăng ký hoặc theo yêu cầu của nước nhập khẩu. VCCI cũng là cơ quan duy nhất được quyền phát hành CO mẫu A cho mục đích GSP. VCCI đã phát hành khoảng 200.000 mẫu A, hầu hết là cho thương mại với EU. Các mặt hàng chủ yếu là hàng dệt may, thủy sản và thủ công mỹ nghệ. Do EVFTA sẽ sớm có hiệu lực và hệ quả là Việt Nam sẽ không được hưởng ưu đãi GSP nữa (vào cuối năm 2018), CO mẫu A sẽ không còn giá trị vì EU sẽ đưa vào cơ chế REX (nhà xuất khẩu đăng ký) – một cơ chế tương tự cơ chế nhà xuất khẩu đăng ký đủ điều kiện trong các FTA.

Trước câu hỏi của chuyên gia Staples, bà Hương khẳng định rằng VCCI thường xuyên nhận được các yêu cầu xác nhận xuất xứ chủ yếu là vì các biện pháp chống bán phá giá chống lại Trung Quốc và nghi ngờ có khả năng gian lận. Theo bà Hương, doanh nghiệp cần khá nhiều hỗ trợ khi khai báo mẫu A (lưu ý rằng các quy tắc xuất xứ trong GSP của EU rất giống với các quy tắc trong FTA). VCCI bày tỏ sẵn sàng hỗ trợ trong các buổi hội thảo.

Do VCCI không thể thu phí với lí do như EcoSys, họ chỉ có thể dựa vào các hỗ trợ tài chính, chủ yếu đến từ ngành dệt may.

4.3 Phỏng vấn “trực tiếp” các doanh nghiệp ưu tiên

Các chuyên gia đã có cơ hội phỏng vấn các doanh nghiệp hàng đầu trong hai cuộc họp với VITAS và VASEP và các cuộc họp tại văn phòng dự án EU-MUTRAP cũng như trong hai buổi hội thảo tổ chức tại Tp. HCM và Hà Nội. Trong các buổi họp này, các nhà lãnh đạo doanh nghiệp khẳng định họ rất quan tâm đến việc tận dụng các hiệp định thương mại ưu đãi. Nhưng doanh nghiệp lo sợ họ phạm phải sai lầm và phải chịu các chế tài áp dụng theo Thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương ngày 20 tháng 8 năm 2015. Họ cũng bày tỏ sự quan ngại về các nghĩa vụ bắt buộc phải đào tạo về xuất xứ.

Xem thêm các phần trình bày về các cuộc họp/hội thảo và xem thêm **Phụ lục 7** về ngành dệt may.

4.4 Ý nghĩa của các kết quả và đề xuất

Các hiệp hội và doanh nghiệp sẵn sàng đón nhận các cơ chế tự chứng nhận xuất xứ. Họ ủng hộ một cơ chế mở cửa cho cả nhà sản xuất và xuất khẩu.

Vấn đề lớn thứ hai là xử lý các vi phạm như thế nào. Đối với doanh nghiệp, họ cảm thấy rằng cơ chế chứng nhận thông thường thì không đề cập cụ thể đến vi phạm nhưng Thông tư của Bộ Công Thương vào tháng 8 năm 2015 lại đưa ra hàng loạt các vi phạm đáng sợ và các chế tài xử phạt. Vậy nên Bộ Công Thương cần phải sửa đổi thông tư sao cho vẫn thu hút được doanh nghiệp đi theo cơ chế tự chứng nhận xuất xứ mà không khiến cho họ phải tránh xa vì e ngại các biện pháp xử phạt khắt khe.

Việt Nam cần đưa cơ chế tự chứng nhận xuất xứ vào theo một quy mô lớn, trước hết là đối với ATIGA, EVFTA và các hiệp định khác nếu có. Có như vậy thì cả doanh nghiệp và chính phủ mới nhận thấy được tác dụng của cơ chế này.

Xét đến vấn đề xử phạt, các cơ quan nhà nước và địa phương nên đào tạo và giám sát liên tục thay vì áp dụng các biện pháp xử phạt đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, các vi phạm nghiêm trọng vẫn cần phải xử lý. Cần phải tiến hành xác minh, phân tích hồ sơ và đánh giá rủi ro nhằm đảm bảo doanh nghiệp không gian lận và đối trá để trục lợi từ việc tự chứng nhận xuất xứ.

5 ĐÁNH GIÁ NHU CẦU ĐÀO TẠO

5.1 Vai trò của việc đánh giá nhu cầu đào tạo

Như đã nêu trong Điều khoản tham chiếu của PE2, thông qua các lần trao đổi và các ý kiến phản hồi của doanh nghiệp trong hội thảo ngày 29 tháng 1 năm 2015, trong quá trình tiến hành hoạt động PE1 (ICB-4 PE1), các chuyên gia và bên hưởng lợi đã nhận thấy một loạt các nhu cầu thực tiễn mới, trong đó có **nhu cầu đào tạo toàn diện về quy tắc xuất xứ và chứng nhận xuất xứ**. Chương trình, tài liệu đào tạo dự kiến dành cho nhà nước và doanh nghiệp cần phải được chuẩn bị.

Nhu cầu chính và cấp bách nhất hiện tại là cần thu thập thông tin từ doanh nghiệp. Một cuộc khảo sát điều tra toàn diện là công cụ thích hợp để thu thập thông tin cần thiết. Các ý kiến đóng góp từ doanh nghiệp sẽ giúp đưa ra các đề xuất hỗ trợ cho chính phủ xây dựng khuôn khổ pháp lý cơ bản.

Sau khi hoạt động năm đầu tiên hoàn thành, Việt Nam đã phát hành văn bản luật liên quan là “Thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN” vào tháng 8 năm 2015. Tuy nhiên, Thông tư vẫn chưa thực thi được do các lí do đã nêu trong báo cáo này.

5.2 Phương thức đánh giá nhu cầu đào tạo

Nhu cầu đào tạo được đánh giá dựa trên phiếu điều tra về xuất xứ được soạn thảo trong khuôn khổ hoạt động ICB-4 PE2. Xem nội dung Phiếu điều tra tại **Phụ lục 3**.

The Training needs assessment got developed based on the self-certification application form developed under the same activity “PE 2”. The TNA questionnaire is contained in **Annex 3**.

Không sử dụng hình thức trắc nghiệm, phiếu điều tra được thiết kế nhằm tương tác với các doanh nghiệp tiềm năng đủ điều kiện để trở thành nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ, giống với hình thức của đơn đăng ký như đã nêu ở trên. Phiếu điều tra được thiết kế không chỉ để đsanh giá nhu cầu đào tạo của những nhà xuất khẩu và sản xuất muốn tự chứng nhận xuất xứ mà còn giúp họ tăng cường kiến thức về quy tắc xuất xứ của họ.

5.3 Kết quả và số liệu thu thập được qua hai buổi hội thảo tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh và qua các cuộc họp

Mẫu đơn đăng ký tự chứng xuất xứ và phiếu điều tra về xuất xứ đã được phát cho tất cả đại biểu tham dự hội thảo tổ chức tại Tp. HCM ngày 24 tháng 5 năm 2016 và tại Hà Nội ngày 26 tháng 5 năm 2016.

Các chuyên gia trong nước đã tổng hợp và đánh giá các phiếu điều tra thu thập được. Kết quả đánh giá được trình bày tại **Phụ lục 6** của báo cáo.

Kết quả điều tra cho thấy doanh nghiệp và các hiệp hội có nhu cầu rõ ràng trong việc đào tạo về quy tắc xuất xứ. Họ mong muốn được mở rộng kiến thức, từ các quy tắc giá trị gia tăng, chuyển đổi dòng thuế cho đến việc kết hợp cả hai loại quy tắc này và tất cả các quy tắc bổ sung có thể áp dụng khác, ví dụ như là quy tắc cộng gộp, quy trình tối thiểu, tiêu chí ngưỡng tối thiểu.

Các cuộc họp tại Hà Nội cũng cho ra kết quả tương tự, đặc biệt là cuộc họp với VCCI bởi để phát hành CO mẫu A thì phải đáp ứng các chứng nhận và quy tắc xuất xứ phải tương đương với EVFTA. Vậy nên, đào tạo về CO mẫu A là cần thiết, có nghĩa là đào tạo về các quy tắc xuất xứ tương đương trong EVFTA cũng là cần thiết.

5.4 Kinh nghiệm quốc tế

Quy tắc xuất xứ là một phần đặc biệt khó cho các doanh nghiệp hoạt động thương mại quốc tế. Thực tiễn EU cho thấy ngay cả sau 40 năm kinh nghiệm với các quy tắc xuất xứ giống nhau, các doanh nghiệp vẫn cố tình hoặc vô tình phạm phải sai lầm hoặc chỉ đơn thuần là do thiếu hiểu biết.

Các phòng thương mại công nghiệp, cơ quan Hải quan và các tổ chức khác đã cố gắng phổ biến kiến thức bằng nhiều cách khác nhau, có thể là đào tạo trực tuyến, tổ chức hội thảo, xác nhận bằng chứng xuất xứ, phỏng vấn, phát hành sách báo, xây dựng phần mềm cho đến đào tạo chuyên nghiệp để trở thành các chuyên gia xuất khẩu tự chứng nhận, nhà môi giới, đại lý, v.v.

Nhiều doanh nghiệp lớn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có một đội ngũ về xuất xứ riêng. Sẽ rất có ích nếu các doanh nghiệp này tham gia trực tiếp vào đào tạo xuất xứ vì các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam thường không có quyền quyết định về nguồn cung nguyên liệu thô và quy trình sản xuất. Về cơ bản là họ phải nghe theo “lệnh” từ nước ngoài. Nhưng chính những yếu tố về nguồn cung, đầu vào và quyết định quy trình sản xuất này lại là các yếu tố căn bản đầu tiên để áp dụng và đáp ứng các quy tắc xuất xứ trong các FTA. Vì vậy, nếu nói quy tắc xuất xứ là quan trọng với các doanh nghiệp Việt Nam, thì phải nói việc hiểu các quy tắc này còn quan trọng hơn với các nhà đầu tư. Điều này đặc biệt đúng trong ngành dệt may vì các doanh nghiệp FDI ngành này chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng số doanh nghiệp tại Việt Nam. Các quy tắc xuất xứ chỉ có thể được truyền đạt và có tác động đúng đắn khi có sự tham gia của (các) chủ sở hữu doanh nghiệp.

5.5 Đề xuất

Phần đánh giá nhu cầu đào tạo được trình bày tại **Phụ lục 5** của báo cáo này, cho thấy một vài nhu cầu đào tạo cụ thể về xuất xứ của chủ doanh nghiệp và nhà xuất khẩu Việt Nam/

Bảng đánh giá nhu cầu đào tạo cơ bản đưa ra một số đề xuất sau:

- I. Đào tạo và cung cấp thông tin tổng quát về EVFTA và các hiệp định khác, tập trung chính vào quy tắc xuất xứ, và các thông tin bổ sung về hàng rào thương mại phi thuế quan (các vấn đề TBT/SPS)
- II. Đào tạo về quy tắc xuất xứ chung, không liên quan đến ngành cụ thể nào, nhằm giải thích nguyên tắc cốt lõi của quy tắc xuất xứ trong các hiệp định khác nhau và tập trung

sâu hơn vào các quy tắc tổng quát từ phân loại thuế quan, tiêu chí hàm lượng nội địa trong ATIGA, EVFTA và các hiệp định khác (gồm cả giới thiệu tóm tắt về trị giá tính thuế hải quan), các lựa chọn cộng gộp, quy trình tối thiểu, tiêu chí ngưỡng tối thiểu, v.v. Một phần nội dung đào tạo sẽ được dành cho các vấn đề hành chính, bao gồm bằng chứng xuất xứ, tự chứng nhận xuất xứ, lưu trữ sổ sách và xác nhận xuất xứ. Nếu có thời gian, có thể tổ chức khóa đào tạo đặc biệt về các rào cản phi thuế (các vấn đề về TBT/SPS).

- III. Đối với ngành nông nghiệp, cũng cần đào tạo về các rào cản phi thuế đối với thương mại (TBT/SPS)
- IV. Đào tạo cách áp dụng Hệ thống Hải hòa (HS): giới thiệu hệ thống HS, chức năng và cơ sở của hệ thống HS, phân loại đúng sản phẩm và vật liệu, các quy tắc diễn giải tổng quát (GIRs).
- V. Đào tạo riêng về trị giá tính thuế hải quan, hiệp định WTO và các thực hành hải quan hoặc kết hợp với đào tạo về Hệ thống HS.
- VI. Xây dựng tài liệu đào tạo cho cán bộ Chính phủ và cơ quan địa phương sử dụng để đào tạo cho hiệp hội và doanh nghiệp.
- VII. Xây dựng tài liệu đào tạo và các bản tóm lược những điều cần thiết cho doanh nghiệp.
- VIII. Kết hợp với Bộ Công Thương và các trung tâm đào tạo độc lập tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến về quy tắc xuất xứ
- IX. Cuối cùng, xây dựng hoặc nâng cao các giáo trình đào tạo nghề tại các trường Đại học, Cao đẳng thành giáo trình thạc sĩ hoặc các loại bằng cấp khác về việc áp dụng các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là thương mại hàng hóa (trong đó phải có các nội dung về ưu đãi thuế quan, phân loại mã HS và quy tắc xuất xứ). Mục tiêu cuối cùng là các doanh nghiệp có được một lực lượng nhân sự có trình độ xử lý kinh doanh xuất nhập khẩu cao.

Trong các phiên thảo luận tại Hà Nội và Tp. HCM, chuyên gia Staples đã cho biết chính phủ Việt Nam và doanh nghiệp có thể tiếp cận các tài liệu đào tạo chuyên sâu thông qua hệ thống phân loại mã HS trực tuyến [3CE](#). Hơn nữa, chuyên gia Staples cũng đề nghị các dự án hỗ trợ cho Bộ Công Thương nên kết hợp với nhau để thuyết phục các trung tâm quốc tế như Ngân hàng Phát triển Liên châu Mỹ (IADB) cung cấp các tài liệu đào tạo về xuất xứ của họ.

6 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

6.1 Đề xuất chung

TPP/EVFTA và các FTA khác thực sự là cơ hội nếu doanh nghiệp nắm vững các quy tắc xuất xứ, lựa chọn tiêu chí xuất xứ phù hợp và áp dụng đúng các quy trình xuất xứ.

Mặt khác, các FTA này sẽ trở thành thách thức và cạm bẫy nếu doanh nghiệp không biết mã HS chính xác, không biết cách áp dụng đúng quy tắc xuất xứ, quy trình chứng nhận/tự chứng nhận/tự khai báo.

Có thể nói, Việt Nam có hàng trăm nghìn doanh nghiệp/xưởng dệt may nhưng không đến 1% số đó được trang bị kiến thức đầy đủ về vấn đề này. Các ngành quan trọng khác của Việt Nam

cũng rơi vào tình trạng tương tự, ví dụ như hàng nông sản thô và qua chế biến, hóa chất, máy móc.

Vậy nên đào tạo về xuất xứ là thực sự cần thiết và cấp bách, đặc biệt là trong bối cảnh các FTA này sẽ có hiệu lực trong vòng một hai năm tới. Nếu không, mức thuế quan áp dụng cho hàng hóa xuất từ Việt Nam sang EU hay các đối tác TPP vẫn chỉ là mức MFN thay vì mức thuế quan theo FTA. Khi đó, mức độ tận dụng lợi ích từ các FTA sẽ không được như kỳ vọng của Chính phủ và doanh nghiệp.

Các chuyên gia cũng đề xuất Bộ Công Thương thành lập một “Ban Xuất xứ” với sự tham gia của các doanh nghiệp chủ chốt để giải quyết các vấn đề về xuất xứ, hay các vấn đề về lưu thông hàng hóa nói chung (các rào cản thuế quan).

Nhiều doanh nghiệp lớn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có một đội ngũ về xuất xứ riêng. Sẽ rất có ích nếu các doanh nghiệp này tham gia trực tiếp vào đào tạo xuất xứ.

Ngoài ra, cũng cần phải tạo điều kiện cho các hoạt động nâng cao nhận thức và đào tạo tăng cường về xuất xứ cho cả doanh nghiệp và cán bộ chính phủ trên khắp cả nước – có thể kết hợp với các trường địa học và cao đẳng trong nước.

6.2 Các đề xuất đối với cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của Việt Nam

Để đạt được mục tiêu hiện tại của hoạt động, các chuyên gia đã soạn thảo một Phiếu điều tra kỹ lưỡng, toàn diện, trong đó có đề cập đến nội dung và đơn đăng ký, phân phát và giải thích Phiếu điều tra này cho các đại biểu. Thông tin thu thập được thông qua Phiếu điều tra và qua các cuộc họp đã được xử lý và phân tích. Các chuyên gia đã căn cứ vào tất cả các thông tin thu thập được cùng với kinh nghiệm quốc tế để đưa ra các đề xuất, kiến nghị cụ thể đối với việc rà soát khuôn khổ pháp lý.

Theo đó, Việt Nam cần đẩy nhanh để đưa vào áp dụng cơ chế tự chứng nhận mở cửa, chính thức. Tổ chức các hoạt động đào tạo và xác nhận xuất xứ thường xuyên để đảm bảo Việt Nam đạt được cả sự chắc chắn và tin tưởng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn đối với các thành viên ASEAN khác và cả EU. Như đã giải thích ở trên, khuôn khổ pháp lý hiện tại cần phải được sửa đổi khá nhiều, loại bỏ các yêu cầu rắc rối không cần thiết dẫn đến các chế tài quá khắt khe đối với các vi phạm nhỏ.

Tự chứng nhận xuất xứ cũng tương thích với Cơ chế Một cửa ASEAN do ASEAN thúc đẩy với sự trợ giúp của các nhà tài trợ quốc tế. Việc này sẽ tạo điều kiện thuận lợi đáng kể cho doanh nghiệp, giúp tăng cường cơ hội kinh doanh của họ.

7 PHỤ LỤC

Phụ lục 1 – Phân công nhiệm vụ hoạt động

Phụ lục 2 – Đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ

Phụ lục 3 – Phiếu điều tra về xuất xứ

Phụ lục 4 – Bảng so sánh – rà soát khuôn khổ pháp lý

Phụ lục 5 – Training needs assessment (TNA)

Phụ lục 6 – Evaluation of the questionnaires

Phụ lục 7 – Special evaluation – FTA and their impact on Vietnam’s textile and garment [sectors] through the rules of origin (ROO)

7.1 Phụ lục 1 – Phân công nhiệm vụ hoạt động

Các nhiệm vụ và kết quả chính được sắp xếp và phân công theo bảng sau:

Nhiệm vụ chính/phụ	Chuyên gia chịu trách nhiệm thực hiện	NGÀY CÔNG CHUYÊN GIA				
		DMI1	DMI2	AMDI1	AMDI2	AMDI3-5
1. Với sự hỗ trợ của Cục Xuất nhập khẩu, liên hệ với các thành viên và đối tác thương mại tự do của ASEAN để học hỏi kinh nghiệm về quá trình thực thi tự chứng nhận xuất xứ. Tương tác (gọi điện và gửi thư điện tử) với họ để	AMDI1 and DMI1	5		5		

thu thập các thông tin liên quan						
2. Soạt thảo khuôn khổ pháp lý chung	DMI1, DMI2 và AMDI1 thực hiện, AMDI2 rà soát và bình luận	5	5	5	2	
3. Soạn thảo đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ	DMI1 and AMDI1	6	3	3		
4. Sau khi nhiệm vụ số 1 và 2 được Bộ Công Thương phê duyệt, tổ chức hai hội thảo giải thích quy trình và giải đáp các thắc mắc cho doanh nghiệp	DMI1, DMI2, AMDI1 và AMDI2 diễn thuyết, các chuyên gia AMDI khác hỗ trợ công tác tổ chức hội thảo và chuẩn bị tài liệu	4	4	4	4	
5. Giải thích và phân phát dự thảo đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ và khuôn khổ pháp lý tại hai hội thảo tổ chức ở Hà Nội và Tp. HCM. Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương, sẽ hợp tác trong tất cả các hoạt động liên quan đến đơn đăng ký.	AMDI3-5					4 ngày (2 ngày chuẩn bị và 1 ngày tham dự hội thảo x hội thảo đối với mỗi chuyên gia)
6. Phòng vấn trực tiếp các Doanh nghiệp ưu tiên để xác định xem họ có	AMDI-1 và AMDI-2			8 ngày (có thể phải đi công tác đến các	6 ngày (có thể phải đi	5 ngày cho mỗi chuyên gia (hỗ

<p>đủ điều kiện tham gia vào Dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ lần 2 của ASEAN hay không. Phỏng vấn diễn ra vào cuối buổi hội thảo hoặc sau hội thảo. Chuyên gia sẽ đến thăm các doanh nghiệp được chọn tại miền Bắc và miền Nam Việt Nam.</p>	<p>Nếu đại diện doanh nghiệp không có mặt tại hội thảo, chuyên gia sẽ phỏng vấn họ sau hội thảo. Chuyên gia AMDI-1 sẽ phụ trách các doanh nghiệp phía Bắc và chuyên gia AMDI-2 phụ trách các doanh nghiệp phía Nam (một chuyên gia sẽ chuyển công tác vào miền Nam). Các chuyên gia AMDI 3-5 sẽ thu thập và xử lý thông tin.</p>			<p>vùng khác nhau của Việt Nam)</p>	<p>công tác đến các vùng khác nhau của Việt Nam)</p>	<p>trợ chuyên gia AMDI 1 và 2 thu thập thông tin và rà soát phiếu điều tra).</p>
<p>7. Tập hợp các thông tin tại phiếu điều tra/ đơn đăng ký vào cuối buổi hội thảo và xử lý theo định dạng theo yêu cầu của Cục Xuất Nhập khẩu và các chuyên gia DMI và các chuyên gia AMDI khác. Có thể phải điều chỉnh định dạng sao cho phù hợp với nhu cầu của Cục Xuất nhập khẩu.</p>	<p>AMDI3-5</p>					<p>7 ngày mỗi chuyên gia</p>
<p>8. Tinh chỉnh dự thảo khuôn khổ pháp</p>	<p>DMI1, DMI2, và</p>	<p>5</p>	<p>5</p>	<p>5</p>	<p>3</p>	

lý theo các phản hồi nhận được.	AMDI1 thực hiện, AMDI2 rà soát và bình luận					
9. Hỗ trợ Bộ Công Thương xác định các công ty có thể đủ điều kiện tự chứng nhận phục vụ cho mục đích của Dự án thí điểm lần 2 của ASEAN (cần phân tích tình hình tuân thủ quy trình xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong quá khứ, các kết quả phỏng vấn với đại diện doanh nghiệp, v.v)	DMI1 và AMDI1-5	5 ngày (cho thực hành quốc tế tốt nhất trong việc chọn lựa các công ty ở EU và ở các quốc gia được chọn khác)		10 ngày (hỗ trợ Cục Xuất nhập khẩu điều tra, phân tích, phỏng vấn, đưa ra các tiêu chí lựa chọn và loại bỏ, v.v). Cần phỏng vấn các tổ chức liên quan để xác minh độ tin cậy của các công ty (gồm ngân hàng, công ty bảo hiểm, v.v.) Để thực hiện nhiệm vụ này, chuyên gia cần đi công tác đến các vùng khác nhau (ít nhất 3 chuyên công tác, 1 ở miền Bắc, 1 ở miền Trung và 1 ở miền Nam).	4 ngày (hỗ trợ Cục Xuất nhập khẩu và chuyên gia DMI1-2 xây dựng các tiêu chí của Việt Nam dựa trên các thực hành tốt nhất.	10 ngày mỗi chuyên gia (hỗ trợ Cục Xuất nhập khẩu thu thập thông tin liên quan từ hải quan, hiệp hội doanh nghiệp (đồng thời phỏng vấn họ), tòa án, ngân hàng và các bên liên quan khác. Nhiệm vụ này cũng cần phải nghiên cứu tài liệu và gọi điện thoại (đến các tổ chức quốc tế liên quan)
10. Báo cáo phân tích nhu cầu đào tạo và đưa ra các đề xuất	DMI2, AMDI1-5		6	10	10	5 ngày mỗi chuyên gia để

						thu thập thông tin và số liệu thống kê từ các nguồn khác nhau
11. Rà soát báo cáo phân tích nhu cầu đào tạo sau hi nhận được ý kiến phản hồi từ các bên liên quan	AMDI2				3	
TỔNG SỐ NGÀY CÔNG		30	20	50	32	31 mỗi chuyên gia x 3 = 93
TỔNG THEO LOẠI CHUYÊN GIA		50 NGÀY CÔNG CHUYÊN GIA DMI		175 NGÀY CÔNG CHUYÊN GIA AMDI		

7.2 Phụ lục 2 – Đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ



ĐƠN ĐĂNG KÝ TỰ CHỨNG NHẬN VÀ XÁC NHẬN XUẤT XỨ

Đơn đăng ký này được soạn thảo trong khuôn khổ hoạt động ICB-4 PE2.

Các chuyên gia đã cân nhắc một số quy trình và mẫu đơn của các nước khác và cả bản dự thảo của Bộ Công Thương. Một số bản dự thảo đặc biệt hữu ích là các bản dự thảo của Thụy Sĩ (về cơ chế nhà xuất khẩu đủ điều kiện được chứng nhận của EU), Hàn Quốc, Indonesia, NAFTA (Canada) và Malaysia. Các chuyên gia cũng nghiên cứu quy trình đăng ký tự chứng nhận xuất xứ của Singapore, Thái Lan và Philippines.

Mục đích chính của phiếu điều tra toàn diện này là nhằm hỗ trợ Bộ Công Thương hoàn thành mục tiêu thiết lập hệ thống tự chứng nhận xuất xứ trên toàn ASEAN, từ đó có thể tiến xa hơn 2 dự án thí điểm đang được thực hiện bởi một số ít thành viên ASEAN (Việt Nam đã tham gia vào Dự án thí điểm số 2).

Phiếu điều tra không chỉ giúp cho Bộ Công Thương mà còn giúp cho doanh nghiệp tìm hiểu rõ về tất cả các quy y của tự chứng nhận xuất xứ, có nghĩa là đảm bảo cho Bộ Công Thương và các đối tác thương mại là các yêu cầu quy tắc xuất xứ được tuân thủ đầy đủ. Phiếu điều tra phần nào cũng giúp cho người nộp đơn xin tự chứng nhận xuất xứ tìm kiếm thông tin về xuất xứ và lưu trữ hồ sơ, nhằm mục đích nâng cao kiến thức về xuất xứ của người nộp đơn.

Phiên bản dự thảo số 5 này áp dụng cho cả quy trình nộp đơn và xác nhận xuất xứ vì hai quy trình này đều cần các thông tin tương tự nhau. Về sau này, phiếu điều tra có thể được dùng như là phiếu điều tra của nhà nhập khẩu khi nhà nhập khẩu Việt Nam nhập hàng hóa từ khu vực NAFTA vì đây là khu vực gần như chỉ áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ và nhà nhập khẩu Việt Nam sẽ phải cung cấp các thông tin cần thiết (cùng với sự giúp đỡ của nhà xuất khẩu từ khu vực NAFTA)

Mục đích cuối cùng của phiếu điều tra là phục vụ cho việc thực hiện cơ chế nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận theo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU trong tương lai.

Các chuyên gia sẵn lòng tiếp thu mọi ý kiến đóng góp của chuyên gia trong nước và Bộ Công Thương.

Trân trọng,

Claudio Dordi

Tư vấn trưởng

ĐƠN ĐĂNG KÝ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

(DÀNH CHO NHÀ XUẤT KHẨU, NHÀ NHẬP KHẨU VÀ NHÀ SẢN XUẤT)

(Ban hành kèm theo [Thông tư sửa đổi năm 2016 của thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương ngày 20 tháng 8 năm 2015] và các Thông tư [hướng dẫn thực thi tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN]/[hướng dẫn thực thi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU]/[hướng dẫn thực thi TPP] của Bộ trưởng Bộ Công Thương

MỤC ĐÍCH

Đăng ký tự chứng nhận xuất xứ

Xác nhận xuất xứ của nguyên liệu hoặc hàng hóa thuộc phạm vi của cơ chế tự chứng nhận xuất xứ:

Vui lòng tích (✓) vào lựa chọn phù hợp và hoàn thành các câu hỏi bên dưới.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

MỤC A ▶ THÔNG TIN NGƯỜI NỘP ĐƠN XIN TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

Vui lòng tích (✓) vào lựa chọn phù hợp.

Công ty của người nộp đơn là	Mô tả
<input type="checkbox"/> Nhà xuất khẩu	Xuất khẩu hàng hóa thuộc phạm vi của điều tra này.
<input type="checkbox"/> Nhà xuất khẩu/nhà sản xuất	Vừa xuất khẩu vừa sản xuất hàng hóa thuộc phạm vi của điều tra này.
<input type="checkbox"/> Nhà sản xuất hàng hóa	Sản xuất hàng hóa thuộc phạm vi của điều tra này.
<input type="checkbox"/> Nhà sản xuất nguyên liệu	Sản xuất nguyên liệu dùng trong sản xuất hàng hóa thuộc phạm vi của điều tra này.
<input type="checkbox"/> Nhà nhập khẩu	Nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam theo cơ chế nhà nhập khẩu chứng nhận xuất xứ theo Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương.

Tên		Quốc gia	
Tên Giám đốc điều hành			

Mã số kinh doanh/Mã số thuế				Loại công ty: <input type="checkbox"/> Có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI (※ Vui lòng ghi rõ % vốn:) <input type="checkbox"/> Có vốn đầu tư trực tiếp trong nước DDI (※ Vui lòng ghi rõ % vốn:) <input type="checkbox"/> Hợp tác <input type="checkbox"/> Không có FDI/DDI <input type="checkbox"/> Sản xuất (※ Vui lòng cho biết) Phân ngành công nghiệp: Chuẩn phân ngành quốc tế/theo Phiên bản (ISIC/Phiên bản 2/3/4):
Các chứng nhận đăng ký khác (nếu có):	<input type="checkbox"/> Giấy phép đăng ký kinh doanh <input type="checkbox"/> Giấy phép xuất khẩu <input type="checkbox"/> Giấy phép nhập khẩu <input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký khác (※ Vui lòng ghi rõ):			
Mã số nhận dạng nhà sản xuất (MID) (※ chỉ dành cho dệt may trong TPP)				
Địa chỉ công ty	(Trụ sở chính)	Tel		
		Fax		
		Website		
	(Nhà máy 1)	Tel		
	(Nhà máy 2)	Tel		
Nhân sự	(Tổng số) _____ người (Ban Giám đốc) _____ người (Quản lý) _____ người (Sản xuất) _____ người (Bộ phận khác) _____ người			
Production	Công ty có nhà máy sản xuất và/hay trang thiết bị nào tham gia vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu được hưởng ưu đãi thuế quan không? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không (Tích (√) vào lựa chọn phù hợp. Nếu câu trả lời là cô, vui lòng cho biết các thông tin sau)			
Trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ cho hàng hóa thuộc phạm vi của điều tra này	Mô tả trang thiết bị	Năng suất	Tần suất sử dụng	Địa điểm
Kho bãi hàng hóa và nguyên liệu	Mô tả kho bãi:	Năng suất chứa/kho bãi	Bộ phận quản lý (vui lòng chỉ rõ tên bộ phận, cách thức xử lý hàng hóa và giấy tờ sổ sách, xử lý dữ liệu, và mô tả quy trình công việc):	
	<input type="checkbox"/> Nhà kho của công ty			

	<input type="checkbox"/> Kho hải quan <input type="checkbox"/> Sân bãi <input type="checkbox"/> Si lô <input type="checkbox"/> Tủ lạnh/phương tiện bảo quản lạnh <input type="checkbox"/> Không có kho chứa hoặc kho chứa không đáng kể - Giao hàng ngay		
(※ Nếu thiếu chỗ để viết thông tin, vui lòng viết vào các trang giấy sau)			
Mối quan hệ	Mối quan hệ hợp đồng với nhà sản xuất nguyên liệu mà công ty anh/chị sử dụng để sản xuất hàng hóa là gì? (Tích (✓) vào lựa chọn phù hợp) <input type="checkbox"/> Nhà thầu phụ của công ty <input type="checkbox"/> Hợp tác theo hợp đồng nhượng quyền thương mại <input type="checkbox"/> Nhà sản xuất nguyên liệu được cấp phép: <input type="checkbox"/> Do nhà xuất khẩu cấp phép – chủ thể quyền tại nước xuất khẩu <input type="checkbox"/> Do nhà nhập khẩu cấp phép – chủ thể quyền tại nước nhập khẩu <input type="checkbox"/> Công ty con của chính công ty/giao dịch nội bộ trong công ty <input type="checkbox"/> Khác (Vui lòng ghi rõ): <input type="checkbox"/> Không rõ		

MỤC B ▶ THÔNG TIN CHUNG VỀ HÀNG HÓA

FTA hay Hiệp định áp dụng là	<input type="checkbox"/> ATIGA	<input type="checkbox"/> FTA Việt Nam - EU	<input type="checkbox"/> TPP – ngành dệt may	<input type="checkbox"/> TPP – các ngành khác không phải dệt may
	<input type="checkbox"/> ASEAN-Nhật Bản	<input type="checkbox"/> ASEAN-Hàn Quốc	<input type="checkbox"/> Việt Nam-Hàn Quốc	<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

1. 1. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ HÀNG HÓA THUỘC PHẠM VI ĐIỀU TRA

Mô tả về hàng hóa	Mã HS (6-chữ số)	Giá cả	Đơn vị tính	Thông tin khác

2. PHÂN LOẠI THEO MÃ HS				
2-1.	Anh/chị thường xác định mã HS của nguyên liệu được sử dụng và của hàng xuất khẩu như thế nào?	<input type="checkbox"/> Theo xác định của nhà xuất khẩu <input type="checkbox"/> Tham vấn môi giới hải quan <input type="checkbox"/> Theo thông báo kết quả xác định trước/thông tin của Hải quan <input type="checkbox"/> Khác; vui lòng ghi rõ:		
2-2.	Tài liệu dùng để phân loại thuế quan (xác định mã HS) (Vui lòng tích (√) vào lựa chọn phù hợp và gửi kèm bản sao tài liệu đó)	<input type="checkbox"/> Hợp đồng giao dịch <input type="checkbox"/> Thông tin về quy trình sản xuất <input type="checkbox"/> Danh mục vật tư (BOM) <input type="checkbox"/> Thông tin sử dụng của hàng hóa <input type="checkbox"/> Thông báo kết quả xác định trước về phân loại thuế quan <input type="checkbox"/> Theo mẫu (※ Chúng tôi có thể giữ lại mẫu anh/chị cung cấp để phục vụ nghiên cứu về sau)		
3. CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ (C/O) VÀ THƯƠNG MẠI				
3-1.	Tổ chức cấp Chứng nhận xuất xứ (C/O) hoặc các bằng chứng xuất xứ khác cho anh/chị là	<input type="checkbox"/> Cơ quan chính phủ <input type="checkbox"/> Nhà xuất khẩu <input type="checkbox"/> Nhà sản xuất <input type="checkbox"/> Tổ chức khác (vui lòng ghi rõ:)		
3-2.	Nhà xuất khẩu có sổ theo dõi về C/O không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không rõ		
3-3.	Does the producer keep C/O log book(s)?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không rõ		
3-4.	Anh/chị sử dụng tài liệu nào để xác định các quy tắc xuất xứ ưu đãi? Vui lòng tích √ vào lựa chọn phù hợp và gửi lại bản sao tài liệu đó	<input type="checkbox"/> Chứng nhận xuất xứ <input type="checkbox"/> Hóa đơn có xuất xứ được xác nhận (kể cả CO do nước thứ ba cấp) <input type="checkbox"/> Báo cáo chi phí và/hoặc Báo cáo sản xuất của nhà sản xuất nguyên liệu thành phần hoặc nhà sản xuất hàng hóa		
	<input type="checkbox"/> Chứng từ xác nhận xuất xứ (※ Khai báo của nhà cung cấp (bao gồm xuất khẩu bao trùm), xác nhận sản xuất trong nước, Khai báo nhập khẩu, v.v.)	<input type="checkbox"/> Tài liệu khác ()		
3-5.	Số liệu thống kê:			
	Công ty anh/chị đã xin cấp bao nhiêu chứng nhận xuất xứ trong vòng 2 năm qua? Nếu công ty anh/chị là nhà xuất khẩu mới, anh/chị dự kiến số lượng xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ là bao nhiêu?	Số lượng mỗi tháng/năm/loại CO		
	Anh/chị đã xin cấp bao nhiêu chứng nhận xuất xứ khác trong vòng 2 năm qua?	Số lượng mỗi tháng/năm/loại CO		

3-6. Cung cấp thông tin chi tiết về hàng hóa và nguyên liệu thuộc phạm vi phiếu điều tra này:

TT	Hàng hóa/nguyên liệu	Mã HS*	Nước nhập khẩu	Số lượng	Giá trị thương mại (ghi rõ đơn vị tiền tệ)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					

* Mã HS: Chỉ rõ mã số theo cấp 6 hoặc 8 chữ số theo Hiệp định liên quan

※Nếu thiếu chỗ để viết thông tin, vui lòng viết vào các trang giấy sau.

MỤC C ► QUY TẮC XUẤT XỨ ƯU ĐÃI

4. MÔ TẢ SẢN XUẤT

4-1 Vui lòng mô tả quy trình sản xuất hàng hóa xin tự chứng nhận xuất xứ
(※Nếu thiếu chỗ để viết thông tin, vui lòng viết vào các trang giấy sau.)

a)

b)

4-2. Cung cấp thông tin chi tiết về nguyên liệu thô được dùng để sản xuất hàng hóa trong bảng dưới đây

TT	Mô tả nguyên liệu	Loại	Mã HS	Tên/địa chỉ của nhà cung cấp	Nước xuất xứ
1					
2					
3					
4					

※Mã HS: Chỉ rõ mã số theo cấp 6 hoặc 8 chữ số theo Hiệp định liên quan

Nếu thiếu chỗ để viết thông tin, vui lòng viết vào các trang giấy sau.

5. XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ

Vui lòng tích (✓) vào quy tắc ưu đãi phù hợp áp dụng đối với hàng hóa được xác nhận xuất xứ, và trả lời các câu hỏi dưới đây.

Tiêu chí xác định xuất xứ ưu đãi	Vui lòng tích vào mọi quy tắc được áp dụng đối với hàng hóa xin tự chứng nhận xuất xứ.	<input type="checkbox"/> Sản phẩm được chế tác hoặc tạo ra hoàn toàn <input type="checkbox"/> Tiêu chí chuyển đổi mã hàng hóa <input type="checkbox"/> Tiêu chí hàm lượng nội địa/ tiêu chí về hàm lượng (vui lòng hoàn thành câu hỏi số 5) <input type="checkbox"/> Tiêu chí quy trình sản xuất (vui lòng hoàn thành câu hỏi số 6) <input type="checkbox"/> Tiêu chí ngưỡng tối thiểu De minimis / áp dụng quy tắc khoan dung (Vui lòng ghi rõ):	<input type="checkbox"/> Hàng hóa có thể thay thế / tách biệt trên sổ sách kế toán <input type="checkbox"/> Cộng gộp trong ASEAN <input type="checkbox"/> Cộng gộp khác. Vui lòng ghi rõ: <input type="checkbox"/> Đóng gói và dán nhãn (vui lòng hoàn thành câu hỏi số 8) <input type="checkbox"/> Phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ (vui lòng hoàn thành câu hỏi số 9) <input type="checkbox"/> Đáp ứng quy tắc Vận chuyển trực tiếp <input type="checkbox"/> Tiêu chí khác (vui lòng ghi rõ):
	Anh/chị có thực hiện hoạt động sản xuất nào ngoài các công đoạn gia công chế biến giản đơn (quy trình tối thiểu) theo quy định trong Hiệp định liên quan không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
	Anh/chị có đáp ứng quy tắc vận chuyển trực tiếp (nếu hiệp định liên quan có quy định) không và có vận chuyển hàng hóa trực tiếp không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không (✳️ vui lòng cung cấp chứng từ chứng minh nhận dạng hàng hóa và hàng hóa không bị thao túng trong suốt quá trình vận chuyển và lưu giữ tại nước ngoài)	

5-1. Cung cấp thông tin chi tiết về nguyên liệu được dùng trong sản xuất hàng hóa trong bảng dưới đây và cung cấp tài liệu hỗ trợ.
(✳️ Nếu thiếu chỗ để viết thông tin, vui lòng viết vào các trang giấy sau.)

Hàng hóa A (Tích (✓) vào lựa chọn phù hợp)

TT	Mô tả nguyên liệu	Mã HS (6-chữ số)	Giá trị / đơn vị (Incoterm / Đơn vị tiền tệ)	Trọng lượng / Đơn vị (nếu thích hợp)	Tên/địa chỉ/thông tin liên hệ của nhà cung cấp	Nước xuất xứ*
a)						

Hàng hóa B

TT	Mô tả nguyên liệu	Mã HS (6-chữ số)	Giá trị /đơn vị (Incoterm / Tỷ ntệ)	Trọng lượng / Đơn vị (nếu áp dụng)	Tên/địa chỉ/thông tin liên hệ của nhà cung cấp	Nước xuất xứ*
b)						

(※Nếu thiếu chỗ để viết thông tin, vui lòng viết vào các trang giấy sau)

* Lưu ý rằng đối với các sản phẩm được chế tạo hoặc tạo ra hoàn toàn từ biển (tức là thủy sản), các thể có các quy tắc cụ thể liên quan đến tàu, cờ, thuyền viên

6. TIÊU CHÍ QUY TRÌNH SẢN XUẤT (Specific Process)

- 6-1. Trình bày tiêu chuẩn này được đáp ứng như thế nào và gửi lại các tài liệu hỗ trợ
(※ Trình bày về quy trình sản xuất được tiến hành. Nếu thiếu chỗ để viết thông tin, vui lòng viết vào các trang giấy sau.)

7. HÀNG HÓA/NGUYÊN LIỆU CÓ THỂ THAY THẾ

- 7-1. Hàng hóa có nguyên liệu/hàng hóa có thể thay thế không? Có Không
- 7-2. Nếu có, vui lòng cho biết phương pháp quản lý kiểm kê hàng hóa được sử dụng FIFO LIFO Tính trung bình Phương pháp kế toán được chấp nhận khác
- 7-3. Vui lòng cung cấp thông tin về hàng hóa có thể thay thế được sử dụng. (※ Mô tả hàng hóa có thể thay thế. Nếu thiếu chỗ để viết thông tin, vui lòng viết vào các trang giấy sau.)

8. Nguyên liệu đóng gói, đóng gói và dán nhãn

- 8-1. Vui lòng cho biết ngắn gọn về cách thức và người đóng gói và dán nhãn hàng hóa hoặc nguyên liệu trước khi vận chuyển:

9. Phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ

9-1. (※ Ghi thông tin nếu áp dụng.)

MỤC E ▶ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

10. Công ty xác định và xác nhận xuất xứ như thế nào?

10-1. Tư vấn viên và nhân viên quản lý xuất xứ	<input type="checkbox"/> Nhờ tư vấn viên của bên thứ ba (Môi giới hải quan, công ty tư vấn, và/hoặc chuyên gia về xuất xứ) Tên: _____ /☎: _____
	<input type="checkbox"/> Theo thông báo về kết quả xác định trước của Hải quan/ Thông tin của bộ Công Thương (※ Vui lòng gửi kèm bản sao) Tên: _____ /☎: _____
	<input type="checkbox"/> Do nhân viên về xuất xứ của chính công ty (※ vui lòng điền vào phần bên dưới)
	Vui lòng cho biết thông tin về nhân sự phụ trách quản lý xuất xứ (※ hoặc hoàn thành Phụ lục V – Bộ Công Thương)
	Họ tên/Chức vụ: /☎: kinh nghiệm _____ năm
	Họ tên/Chức vụ: /☎: kinh nghiệm _____ năm
	Họ tên/Chức vụ: /☎: kinh nghiệm _____ năm
	Họ tên/Chức vụ: /☎: kinh nghiệm _____ năm
10-2. Hệ thống quản lý xuất xứ	Anh/chị có hệ thống quản lý xuất xứ không? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
	Nếu có, vui lòng mô tả ngắn gọn về hệ thống: Vui lòng mô tả ngắn gọn về hệ thống kế toán và lưu trữ sổ sách của anh/chị (※Nếu thiếu chỗ để viết thông tin, vui lòng viết vào các trang giấy sau)
10-3.	Mua nguyên liệu và bán hàng (Nếu thiếu chỗ để viết thông tin, vui lòng viết vào các trang giấy sau): Vui lòng mô tả quá trình mua nguyên liệu và bộ phận phụ trách (nếu bộ phận phụ trách không phải bộ phận về xuất xứ, vui lòng mô tả cách bộ phận đó xác nhận và bảo vệ các thông tin và tài

liệu chứng từ liên quan đến xuất xứ của nguyên liệu)

Vui lòng mô tả ngắn gọn về cách thức quảng cáo và bán hàng hóa.

MỤC F ► ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

11. LƯU GIỮ HỒ SƠ SỔ SÁCH

11-1. Công ty xin tự chứng nhận xuất xứ cam kết lưu giữ và bảo quản hồ sơ sổ sách cập nhật chính xác trong ít nhất 3 năm với những chứng từ sau:

- | | |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Hóa đơn thương mại | <input type="checkbox"/> Hóa đơn mua nguyên liệu trong nước |
| <input type="checkbox"/> Vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương | <input type="checkbox"/> Hồ sơ theo dõi lượng tiêu thụ nguyên liệu/ hồ sơ kiểm kê hàng hóa |
| <input type="checkbox"/> Hồ sơ theo dõi mua nguyên liệu thô, ví dụ tờ khai hải quan về nhập khẩu nguyên liệu thô | <input type="checkbox"/> Hồ sơ theo dõi doanh thu bán hàng và tồn kho thành phẩm |
| <input type="checkbox"/> Giấy phép xuất khẩu | <input type="checkbox"/> Sổ thu chi tiền mặt |
| <input type="checkbox"/> Bản mô tả quy trình sản xuất | <input type="checkbox"/> Tài khoản sổ cái |
| <input type="checkbox"/> Hợp đồng bán hàng | <input type="checkbox"/> Các tài liệu khác (Vui lòng ghi rõ): |
-

12. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- I. Người nộp đơn xác nhận các thông tin cung cấp là đúng và chính xác và chịu trách nhiệm chứng minh các thông tin này. Người nộp đơn hoàn toàn nhận thức được người nộp đơn phải chịu trách nhiệm pháp lý nếu khai báo thông tin sai hay bỏ sót thông tin quan trọng trong phiếu điều tra này và trong các tài liệu liên quan.
- II. Người nộp đơn sẵn sàng hợp tác tối đa với Bộ Công Thương và phải cung cấp hồ sơ sổ sách cho mục đích xác nhận xuất xứ bất cứ lúc nào Bộ Công Thương có yêu cầu; Bộ Công Thương có thể gửi yêu cầu trước bằng văn bản hoặc tuyên bố bằng lời trong chuyến thăm điều tra công ty.
- III. Người nộp đơn cũng cam kết sẽ thông báo cho Bộ Công Thương ngay lập tức về mọi thay đổi về thông tin trong Phiếu điều tra này và trong Đơn xin tự chứng nhận xuất xứ;
- IV. Đối với các sản phẩm có xuất xứ ASEAN, người nộp đơn phải đảm bảo nhà sản xuất của công ty tại nước ASEAN tương ứng cũng gửi cho Bộ Công Thương các tài liệu chứng từ cần thiết cho việc xác nhận xuất xứ.
- V. Người nộp đơn hoàn toàn nhận thức được rằng các hình phạt nếu khai báo sai thông tin, trình bày hoặc cung cấp thông tin sai lệch nghiêm trọng gồm:
 - a) Bỏ tù trong thời hạn không quá x (x) năm và cũng phải nộp phạt hành chính theo Điều xx của Bộ luật hình sự và Điều xx hoặc xx của Bộ Luật hình sự; hoặc
 - b) Nộp phạt không quá xxx,000 VND (xxx trăm nghìn đồng) hoặc bị bỏ tù trong thời hạn không quá x (x) năm hoặc chịu cả 2 hình phạt này theo Mục x Luật Hải quan (hoặc Luật thương mại)
- VI. Người nộp đơn cam kết sẽ báo cáo cho Bộ Công Thương và Cục Xuất nhập khẩu trong tuần đầu tiên của tháng tiếp theo về hóa đơn thương mại có khai báo tự chứng nhận xuất xứ phát hành cho hàng xuất khẩu trong tháng trước.
- VII. Người nộp đơn hiểu rằng cơ quan có thẩm quyền có thể thu hồi tư cách tự chứng nhận xuất xứ nếu có gian lận, lạm dụng hoặc không còn đáp ứng được các yêu cầu để cấp tư cách tự chứng nhận xuất xứ đó.

Tên Công ty:

Ngày:

Tên Người đại diện:	Chức vụ:	Chữ ký/đóng dấu:
Tên Người điền phiếu điều tra:	Chức vụ:	Chữ ký/đóng dấu:

13. Chỉ dành cho Bộ Công Thương

Tên cán bộ phụ trách của Bộ Công Thương:	Phòng ban:
Chức vụ:	

【Câu hỏi hoặc thông tin bổ sung】

※ Vui lòng viết lại các câu hỏi và nhận xét đánh giá nếu có. Nếu thiếu chỗ để viết, vui lòng viết vào các trang giấy sau.

MỤC G ► DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

TT	Mô tả tài liệu	Tham chiếu cho mục số
1		

2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		
13		
14		
15		
16		
17		
18		
19		
20		

14. Hướng dẫn điền phiếu

1. Đối với thông tin về giá trị (giá) hàng hóa và/hoặc nguyên liệu, vui lòng chuyển đổi giá trị (giá) FOB, EXW, giá điều chỉnh, chi phí rỗng, v.v. sang đô la Mỹ hoặc đơn vị tiền tệ được dùng trong thực hành thương mại của người nộp đơn. Cần đảm bảo rằng chỉ sử dụng một đơn vị tiền tệ trong mọi tài liệu chứng từ gửi kèm hoặc chuyển đổi theo tỷ giá phù hợp.

2. Vui lòng ghi rõ đơn vị tính của số lượng của hàng hóa trong mục mô tả hàng hóa theo mã HS, ví dụ, kg, u, kg, 2u, m kg, m² kg, m³ kg, l kg, MW, v.v.

15. Chú thích về mã số người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ theo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU

3. Cần lưu ý rằng quy tắc xuất xứ trong FTA Việt Nam – EU liên quan đến tiêu chí giá trị gia tăng là được dựa trên “giá bán tại xưởng” của hàng hóa mà có thể cách tính toán giá trị khác với các Hiệp định thương mại tự do khác.
4. Theo nội dung Điều 20 trong chương về “NGHỊ ĐỊNH THƯ VỀ ĐỊNH NGHĨA KHÁI NIỆM SẢN PHẨM CÓ XUẤT XỨ VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC HỢP TÁC HÀNH CHÍNH” trong FTA Việt Nam – EU, Việt Nam có thể phê chuẩn cho “người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ”. Một khi đã được phê chuẩn, người xuất khẩu có thể xuất hóa đơn có khai báo xuất cho hàng hóa hợp lệ bất kể giá trị lô hàng là bao nhiêu.
5. Người xuất khẩu được coi là người sở hữu hàng hóa hoặc có quyền tiêu hủy hàng hóa. Người xuất khẩu không nhất thiết phải là người sản xuất.
6. Trường hợp sản phẩm có được tư cách có xuất xứ dựa trên cơ sở cộng gộp, Điều 3 của Nghị định thư về xuất xứ quy định các quy tắc quan sát và các tham chiếu cụ thể cần phải đính kèm với hóa đơn có khai báo xuất xứ.

16. Chú thích về Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương

7. Bổ sung giải thích về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi nhập khẩu vào Việt Nam.
8. Theo Luật Hoa Kỳ, các nhà sản xuất dệt may phải khai báo Mã số nhận diện nhà sản xuất (MID) nếu sản phẩm của họ được vận chuyển đến Hoa Kỳ theo Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương và theo các thỏa thuận phụ của hiệp định. Với điều kiện không gây phương hại tới và phụ thuộc và các thay đổi của Hoa Kỳ, Bộ Quy chế liên bang (CFR) quy định như sau

***** (BẮT ĐẦU TRÍCH DẪN)

§102.23 Xuất xứ và nhận diện nhà xuất khẩu.

(a) *Nhận diện nhà sản xuất sản phẩm dệt may.* Mọi sản phẩm dệt may xuất khẩu thương mại phải xác định được nhà sản xuất sản phẩm đó thông qua mã số nhận diện nhà sản xuất (MID) được lập thành từ tên và địa chỉ của thực thể trao xuất xứ theo §102.21 hoặc §102.22 của phần này, theo mẫu CBP 3461 hoặc hình thức điện tử tương đương, (Giao hàng khi đến/Giao hàng ngay lập tức) và mẫu CBP 7501 hoặc hình thức điện tử tương đương, (Tóm tắt nhập cảnh) và trong mọi phương thức truyền tải dữ liệu điện tử yêu cầu nhận diện nhà sản xuất. Mã số phải được lập chính xác sử dụng phương thức quy định trong phụ lục phần này, gồm có 2 chữ cái về nước xuất xứ sản phẩm này theo tiêu chuẩn ISO. Khi chỉ có một lần nhập cảnh chung cho các sản phẩm của nhiều hơn 1 nhà sản xuất, phải xác định tách biệt sản phẩm theo từng nhà sản xuất. Nhà nhập khẩu phải có khả năng chứng minh cho CBP thấy họ đã thực hành thận trọng hợp lý trong việc xác định nhà sản xuất. Nếu mục nhập cho hàng hóa đó không có MID phù hợp được lập thành từ tên và địa chỉ của nhà sản xuất, giám đốc cảng có thể từ chối cho nhập cảnh hoặc tiến hành các biện pháp phù hợp. Đối với đoạn này, “sản phẩm dệt may” là các sản phẩm được phân loại trong Phần XI, Biểu thuế quan hài hòa của Hoa Kỳ (HTSUS), và sản phẩm được phân loại theo HTSUS ở cấp 10 chữ số ngoài Phần XI có 3 chữ số thuộc phân ngành dệt may trong tiêu mục cụ thể.

(b) *Thông tin thiếu hoặc không đầy đủ.* Nếu giám đốc cảng không thể xác định nước xuất xứ của sản phẩm dệt may, nhà nhập khẩu vừa đưa ra các thông tin bổ sung theo yêu cầu của giám đốc cảng. Hàng hóa bị giữ ở CBP sẽ không được giải phóng cho đến khi xác định được nước xuất xứ dựa trên các thông tin được cung cấp hoặc các thông tin có sẵn tốt nhất.

(c) *Ngày xuất khẩu.* Đối với các yêu cầu hạn ngạch, visa hoặc giấy phép xuất khẩu và vì các mục đích thống kê, ngày xuất khẩu các sản phẩm trong điều §102.21(b)(5) là ngày mà tàu chuyên chở rời cảng cuối cùng tại nước xuất xứ, được xác định áp dụng điều §102.21 hoặc §102.22 nếu thích hợp. Trường hợp chuyển hướng bất ngờ sang lãnh thổ quốc gia khác hoặc nước khác sẽ không làm thay đổi ngày xuất khẩu cho các yêu cầu hạn ngạch, visa hay giấy phép xuất khẩu hoặc mục đích thống kê.

[CBP Dec. 05-32, 70 FR 58013, ngày 5 tháng 10 năm 2005, được sửa đổi bởi CBP Dec. 11-09, 76 FR 14584, ngày 17 tháng 3 năm 2011; CBP Dec. 15-14, 80 FR 61286, ngày 13 tháng 10 năm 2015]

Phụ lục phần 102— Nhận diện nhà sản xuất hàng dệt may

CÁC QUY TẮC LẬP THÀNH MÃ SỐ NHẬN DIỆN NHÀ SẢN XUẤT (MID)

1. Theo điều §102.23(a) phần này, mọi sản phẩm dệt may nhập khẩu thương mại phải xác định được nhà sản xuất sản phẩm đó thông qua mã số nhận diện nhà sản xuất (MID) được lập thành từ tên và địa chỉ của thực thể trao xuất xứ theo §102.21 hoặc §102.22 của phần này, theo mẫu CBP 3461 hoặc hình thức điện tử tương đương, (Giao hàng khi đến/Giao hàng ngay lập tức) và mẫu CBP 7501 hoặc hình thức điện tử tương đương, (Tóm tắt nhập cảnh) và trong mọi phương thức truyền tải dữ liệu điện tử yêu cầu nhận diện nhà sản xuất. Mã số MID có thể dài tới 15 ký tự và không được có khoảng trống nào giữa các chữ số đó.
2. Hai ký tự đầu tiên của mã số MID là mã ISO cho nước xuất xứ thực sự của hàng hóa. Canada là một ngoại lệ. “CA” không phải là mã quốc gia hợp lệ cho MID; thay vào đó phải sử dụng mã tỉnh thành như dưới đây:

ALBERTA—XA

BRITISH COLUMBIA—XC

MANITOBA—XM

NEW BRUNSWICK—XB

NEWFOUNDLAND (LABRADOR)—XW

NORTHWEST TERRITORIES—XT

NOVA SCOTIA—XN

NUNAVUT—XV

ONTARIO—XO

PRINCE EDWARD ISLAND—XP

QUEBEC—XQ

SASKATCHEWAN—XS

YUKON TERRITORY—XY

3. Nhóm ký tự tiếp theo trong mã số MID gồm có 3 ký tự đầu tiên trong mỗi từ thuộc hai “từ” đầu tiên của tên nhà sản xuất. Nếu tên nhà sản xuất chỉ gồm 1 “từ” thì chỉ sử dụng 3 ký tự đầu tiên. Ví dụ, “Amalgamated Plastics Corp.” sẽ là “AMAPLA,” và “Bergstrom” là “BER.”. Nếu có hai chữ cái đầu liên tiếp trở lên trong tên công ty, những chữ cái đầu này được coi như là một từ. Ví dụ, “A.B.C. Company” hoặc “A B C Company” sẽ thành “ABCCOM,” “O.A.S.I.S. Corp.” sẽ thành “OASCOR,” “Dr. S.A. Smith” thành “DRSA,” và “Shavings B L Inc.” thành “SHABL.”. Các từ tiếng anh gồm “a,” “an,” “and,” “of,” and “the” trong tên công ty sẽ không được tính. Ví dụ, “The Embassy of Spain” sẽ thành “EMBSPA.”. Các phần trong một tên được phân cách bởi dấu gạch ngang được coi như là một từ. Ví dụ, “Rawles-Aden Corp.” hoặc “Rawles—Aden Corp.” sẽ thành “RAWCOR.”. Một số tên thì gồm cả con số. Ví dụ, “20th Century Fox” sẽ thành “20TCEN” và “Concept 2000” thành “CON200.”

a. Một số từ chỉ chức danh trong tên nhà sản xuất nước ngoài không được dùng để lập thành mã số MID. Ví dụ, hầu hết các xưởng dệt may ở Macau đều có tên bắt đầu bằng từ giống nhau, “Fabrica de Artigos de Vestuario” có nghĩa là “Xưởng may mặc.” Đối với một xưởng tên là “Fabrica de Artigos de Vestuario JUMP HIGH Ltd,” thì “JUMP HIGH.” là phần riêng trong tên xưởng để phân biệt nó là một thực thể riêng biệt là. Đây là phần nên dùng để lập thành MID. Nếu không, mọi mã MID của Macau sẽ giống nhau đều là “FABDE”, như vậy thì không đúng.

b. Tương tự như vậy, rất nhiều nhà máy ở Indonesia đều có tên bắt đầu bằng tiền tố PT, ví dụ như “PT Morich Indo Fashion.” Tại Nga, có một số tiền tố được sử dụng nhiều là “JSC,” “OAO,” “OOO,” and “ZAO.” Các tiền tố này đều bị bỏ qua khi lập thành mã MID.

4. Nhóm ký tự tiếp theo trong mã MID gồm 4 con số đầu tiên của số lớn nhất trong dòng địa chỉ của công ty. Ví dụ, “11455 đường Main, Phòng 9999” sẽ là “1145”. Số phòng hoặc số hộp thư bưu điện sẽ được sử dụng nếu có chứa số lớn nhất. Ví dụ, “232 đường Main, phòng 1234” sẽ là “1234”. Nếu các số trong địa chỉ đều được viết thành chữ, ví dụ “Plaza thể kỷ một nghìn” thì sẽ không có số nào được sử dụng để lập thành tên của MID. Tuy nhiên, nếu địa chỉ là “Plaza thể kỷ

một nghìn, phòng 345” thì sẽ là “345”. Khi có dấu phẩy hoặc gạch ngang phân cách giữa các số thì mọi dấu câu sẽ bị bỏ qua và số còn lại vẫn được sử dụng. Ví dụ, “12,34,56 đường Alask” và “12-34-56 đường Alaska” sẽ là “1234.” Khi giữa các số được phân cách bởi khoảng trống, cả hai số này đều được công nhận và số lớn hơn sẽ được chọn. Ví dụ, “Căn 509 2727 đường Cleveland” sẽ là “2727.”

5. Các ký tự cuối cùng trong mã MID là 3 chữ cái đầu tiên trong tên thành phố. Ví dụ, “Tokyo” sẽ là “TOK,” “St. Michel” là “STM,” “18-Mile High” là “MIL,” và “The Hague” là “HAG.” Các số có mặt trong tên thành phố đều bị bỏ qua. Đối với các thành bang, 3 chữ cái đầu tiên trong tên quốc gia sẽ được dùng. Ví dụ. Hồng Kông là “HON”, Singapore là “SIN” và Macau là “MAC”.

6. Một quy tắc chung khi lập thành mã MID là mọi dấu câu như dấu phẩy, dấu chấm, dấu nháy và dấu & đều bị bỏ qua. Mọi chữ cái đầu của một ký tự duy nhất, ví dụ như “S” trong “Thomas S. Delvaux Company,” cũng bị bỏ qua, vì chúng chỉ giống như một khoảng trống dẫn dắt trước tên hay địa chỉ.

7. Một số ví dụ về tên và địa chỉ nhà sản xuất cùng với mã MID tương ứng:

LA VIE DE FRANCE, 243 Rue de la Payees, 62591 Bremond, France; FRLAVIE243BRE

20TH CENTURY TECHNOLOGIES, 5 Ricardo Munoz, Suite 5880, Caracas, Venezuela; VE20TCEN5880CAR

Fabrica de Artigos de Vestuario TOP JOB, Grand River Building, FI 2-4, Macau; MOTOPJOB24MAC

THE GREENHOUSE, 45 Royal Crescent, Birmingham, Alabama 35204; USGRE45BIR

CARDUCCIO AND JONES, 88 Canberra Avenue, Sidney, Australia; AUCARJON88SID

N. MINAMI & CO., LTD., 2-6, 8-Chome Isogami-Dori, Fukiai-Ku, Kobe, Japan; JPMINCO26KOB

BOCCHACCIO S.P.A., Visa Mendotti, 61, 8320 Verona, Italy; ITBOCSPA61VER

MURLA-PRAXITELES INC., Athens, Greece; GRMURINCATH

SIGMA COY E.X.T., 4000 Smyrna, Italy, 1640 Delgado; ITSIGCOY1640SMY

COMPANHIA TEXTIL KARSTEN, Calle Grande, 25-27, 67890 Lisbon, Portugal, PTKAR2527LIS

HURON LANDMARK, 1840 Huron Road, Windsor, ON, Canada N9C 2L5; XOHURLAN1840WIN

A.B.C. COMPANY, 55-5 Hung To Road, P.O. Box 1234, Kowloon, Hong Kong; HKABCCOM1234HON.

[CBP Dec. 05-32, 70 FR 58015, Oct. 5, 2005, as amended at CBP Dec. 11-09, 76 FR 14584, Mar. 17, 2011; CBP Dec. 15-14, 80 FR 61286, Oct. 13, 2015]

***** (KẾT THÚC TRÍCH DẪN)

7.3 Phụ lục 3 – Phiếu điều tra về xuất xứ



PHIẾU ĐIỀU TRA VỀ XUẤT XỨ

Kính gửi anh/chị,

Vui lòng điền vào phiếu điều tra về xuất xứ này. Thông tin anh/chị cung cấp sẽ giúp chúng tôi xác định được nhu cầu của anh/chị về các hỗ trợ kỹ thuật tiếp theo trong khuôn khổ dự án EU-MUTRAP.

Chúng tôi sẽ bảo mật thông tin anh/chị cung cấp và không chia sẻ cho bất kỳ người ngoài nào.

Cảm ơn sự hợp tác của anh/chị.

Anh/chị cũng có thể gửi lại Phiếu điều tra xuất xứ bằng thư điện tử tới địa chỉ sau:

Chị Bùi Hoàng Linh: linhbh@mutrap.org.vn

Trân trọng cảm ơn

Claudio Dordi, Tư vấn trưởng

Brian Staples và

Stefan Moser, Chuyên gia cao cấp

MỤC A ► THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Vui lòng đánh dấu (✓) vào lựa chọn phù hợp.

Công ty anh/chị là:	Mô tả
<input type="checkbox"/> Nhà xuất khẩu	Xuất khẩu hàng hóa thuộc phạm vi của điều tra này.
<input type="checkbox"/> Nhà xuất khẩu/nhà sản xuất	Vừa là xuất khẩu vừa sản xuất hàng hóa thuộc phạm vi của điều tra này.
<input type="checkbox"/> Nhà sản xuất hàng hóa	Sản xuất hàng hóa thuộc phạm vi của điều tra này
<input type="checkbox"/> Nhà sản xuất nguyên liệu	Sản xuất nguyên liệu dùng trong sản xuất hàng hóa thuộc phạm vi của điều tra này.

Vui lòng cung cấp các thông tin sau (tùy chọn):

Tên công ty	Quốc gia		
Loại công ty	<input type="checkbox"/> Có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI (※ Vui lòng ghi rõ % vốn:)		
	<input type="checkbox"/> Có vốn đầu tư trực tiếp trong nước DDI (※ Vui lòng ghi rõ % vốn:)		
	<input type="checkbox"/> Hợp tác <input type="checkbox"/> Không có FDI/DDI <input type="checkbox"/> Sản xuất (※ Vui lòng cho biết)		
	Phân ngành công nghiệp: Chuẩn phân ngành quốc tế/theo Phiên bản (ISIC/Phiên bản 2/3/4):		
Địa chỉ công ty	(Trụ sở chính)	Tel	
		Fax	
		Website	
	(Nhà máy 1)	Tel	
	(Nhà máy 2)	Tel	
Sản xuất	Công ty có nhà máy sản xuất và/hay thiết bị nào tham gia vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu được hưởng ưu đãi thuế quan không? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		

Mối quan hệ hợp đồng với nhà sản xuất nguyên liệu mà công ty anh/chị sử dụng để sản xuất hàng hóa là gì?	Nhà cung cấp của công ty là: <input type="checkbox"/> Nhà thầu phụ của công ty <input type="checkbox"/> Hợp tác theo hợp đồng nhượng quyền thương mại <input type="checkbox"/> Nhà sản xuất nguyên liệu được cấp phép: <input type="checkbox"/> Do nhà xuất khẩu cấp phép – chủ thể quyền tại nước xuất khẩu <input type="checkbox"/> Do nhà nhập khẩu cấp phép – chủ thể quyền tại nước nhập khẩu <input type="checkbox"/> Công ty con của chính công ty/giao dịch nội bộ trong công ty <input type="checkbox"/> Khác (Vui lòng ghi rõ): <input type="checkbox"/> Không rõ
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Công ty anh/chị thường xuất khẩu theo các Hiệp định thương mại tự do nào?	<input type="checkbox"/> ATIGA (Xuất khẩu trong phạm vi ASEAN)	<input type="checkbox"/> EU GSP (sắp tới là FTA Việt Nam – EU)	
	<input type="checkbox"/> ASEAN-Nhật Bản	<input type="checkbox"/> ASEAN-Hàn Quốc	<input type="checkbox"/> Việt Nam – Hàn Quốc
	<input type="checkbox"/> ASEAN – Úc, Newzealand	<input type="checkbox"/> Khách: Vui lòng ghi rõ	

1. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Mô tả về hàng hóa	Mã HS (6-chữ số) (nếu biết)	Giá cả	Đơn vị tính	Thông tin khác

2. PHÂN LOẠI THUẾ QUAN (MÃ HS)

2-1. Anh/chị thường xác định mã HS của nguyên liệu được sử dụng và của hàng xuất khẩu như thế nào?	<input type="checkbox"/> Theo phân loại của nhà xuất khẩu <input type="checkbox"/> Tham vấn môi giới hải quan <input type="checkbox"/> Theo thông báo kết quả xác định trước/thông tin của Hải quan <input type="checkbox"/> Khách hàng tại nước nhập khẩu xác định xuất xứ hàng hóa của công ty <input type="checkbox"/> Cách khác; vui lòng ghi rõ: <input type="checkbox"/> Không rõ
----------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

3. CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ (C/O) VÀ THƯƠNG MẠI

3-1.	Khi anh/chị xuất khẩu, tổ chức nào cấp chứng nhận xuất xứ cho anh/chị?	<input type="checkbox"/> Cơ quan nhà nước (Bộ Công Thương) <input type="checkbox"/> Phòng Thương mại và Công nghiệp (VCCI) <input type="checkbox"/> Tổ chức khác (vui lòng ghi rõ:)
3-4.	Anh/chị sử dụng tài liệu nào để xác định các quy tắc xuất xứ ưu đãi? Vui lòng tích <input checked="" type="checkbox"/> vào lựa chọn phù hợp	
	<input type="checkbox"/> Chứng nhận xuất xứ (kể cả CO do nước thứ ba cấp) <input type="checkbox"/> Hóa đơn có xuất xứ được xác nhận	<input type="checkbox"/> Báo cáo chi phí và/hoặc Báo cáo sản xuất của nhà sản xuất nguyên liệu thành phần hoặc nhà sản xuất hàng hóa
	<input type="checkbox"/> Chứng từ xác nhận xuất xứ (※ Khai báo của nhà cung cấp (bao gồm xuất khẩu bao trùm), xác nhận sản xuất trong nước, Khai báo nhập khẩu, v.v.)	<input type="checkbox"/> Tài liệu khác ()
3-5.	Số liệu thống kê:	
	Công ty anh/chị đã xin cấp bao nhiêu chứng nhận xuất xứ trong vòng 2 năm qua? Nếu công ty anh/chị là nhà xuất khẩu mới, anh/chị dự kiến số lượng xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ là bao nhiêu?	Số lượng mỗi tháng/năm/loại CO
	Anh/chị đã xin cấp bao nhiêu chứng nhận xuất xứ khác trong vòng 2 năm qua?	Số lượng mỗi tháng/năm/loại CO

MỤC C ► QUY TẮC XUẤT XỨ ƯU ĐÃI

4. MÔ TẢ SẢN XUẤT

4-1 Vui lòng mô tả quy trình sản xuất hàng hóa công ty anh/chị xuất khẩu hoặc kinh doanh:

a)

b)

5. XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ

Vui lòng tích () vào quy tắc ưu đãi phù hợp áp dụng đối với hàng hóa được xác nhận xuất xứ, và trả lời các câu hỏi dưới đây:

<p>Anh/chị sử dụng tiêu chí xác định xuất xứ ưu đãi nào để yêu cầu cho hưởng ưu đãi thuế quan hoặc xin cấp CO? Vui lòng xác nhận nếu anh/chị có sử dụng quy tắc cộng gộp.</p>	<input type="checkbox"/> Xuất xứ thuần túy (WO)	<input type="checkbox"/> Hàng hóa có thể thay thế / tách biệt trên sổ sách kế toán
	<input type="checkbox"/> Tiêu chí chuyển đổi mã hàng hóa (CTC)	<input type="checkbox"/> Cộng gộp trong ASEAN <input type="checkbox"/> Cộng gộp khác. Vui lòng ghi rõ:
	<input type="checkbox"/> Tiêu chí hàm lượng nội địa/ tiêu chí về hàm lượng (vui lòng hoàn thành câu hỏi số 5) (RVC)	<input type="checkbox"/> Đóng gói và dán nhãn (vui lòng hoàn thành câu hỏi số 8)
	<input type="checkbox"/> Tiêu chí quy trình sản xuất cụ thể (Specific Process) (vui lòng hoàn thành câu hỏi số 6)	<input type="checkbox"/> Phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ (vui lòng hoàn thành câu hỏi số 9)
	<input type="checkbox"/> Tiêu chí ngưỡng tối thiểu De minimis (cho phép vi phạm 10% trị giá hoặc trọng lượng) (Vui lòng ghi rõ): <input type="checkbox"/> Không rõ	<input type="checkbox"/> Đáp ứng quy tắc Vận chuyển trực tiếp <input type="checkbox"/> Tiêu chí khác (vui lòng ghi rõ):

Anh/chị có quan tâm đến khái niệm “công đoạn gia công chế biến giản đơn”/ “quy trình tối thiểu” không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Anh/chị có biết rằng theo một số hiệp định thì hàng hóa phải được vận chuyển trực tiếp từ nhà cung cấp đến khách hàng không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không

6. TIÊU CHÍ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (RVC) HAY QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỤ THỂ (SPECIFIC PROCESS)

6-1. Trường hợp anh/chị áp dụng tiêu chí giá trị gia tăng, vui lòng mô tả ngắn gọn về quy trình gia công và cách xác định giá trị.	
Anh/chị có biết về Thuật ngữ thương mại Quốc tế (INCOTERMS) không? Ví dụ như EXW (Ex-works), FOB, CIF, C&F, v.v.?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
6-2. Nếu anh/chị tiến hành sản xuất hàng hóa hoặc nguyên liệu xuất khẩu, vui lòng mô tả ngắn gọn về quy trình sản xuất.	

--

7. HÀNG HÓA/NGUYÊN LIỆU CÓ THỂ THAY THẾ

7-1. Anh/chị có biết thuật ngữ “hàng hóa/nguyên liệu có thể thay thế không?	<input type="checkbox"/> Có (vui lòng trả lời câu hỏi tiếp theo) <input type="checkbox"/> Không
7-2. Nếu có, vui lòng cho biết phương pháp quản lý kiểm kê hàng hóa được sử dụng	<input type="checkbox"/> FIFO <input type="checkbox"/> LIFO <input type="checkbox"/> Tính trung bình <input type="checkbox"/> Phương pháp kế toán được chấp nhận khác
7-3. Vui lòng cung cấp thông tin về hàng hóa có thể thay thế được sử dụng. (※ Mô tả hàng hóa có thể thay thế.)	

8. Nguyên liệu đóng gói, đóng gói và dán nhãn

8-1. Vui lòng cho biết ngắn gọn về cách thức và người đóng gói và dán nhãn hàng hóa hoặc nguyên liệu trước khi vận chuyển đến cho khách hàng hoặc vận chuyển ra nước ngoài:	

9. Phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ

9-1. Anh/chị có đưa thêm vào hàng hóa xuất khẩu các phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ không? Nếu có, vui lòng mô tả ngắn gọn	

MỤC E ► CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

10. Anh/chị xác định và xác nhận xuất xứ như thế nào?

--

10-1. Tư vấn viên và nhân viên quản lý xuất xứ	<input type="checkbox"/> Nhờ tư vấn viên của bên thứ ba (Môi giới hải quan, công ty tư vấn, và/hoặc chuyên gia về xuất xứ) <input type="checkbox"/> Thếp thông báo về kết quả xác định trước của Hải quan/ Thông tin của bộ Công Thương/các phòng Thương mại và Công nghiệp <input type="checkbox"/> Do nhân viên về xuất xứ của chính công ty (※ vui lòng điền vào phần bên dưới)
	Vui lòng cho biết thông tin về nhân sự phụ trách quản lý xuất xứ
	Họ tên/Chức vụ: /☎: kinh nghiệm _____ năm
	Họ tên/Chức vụ: /☎: kinh nghiệm _____ năm
10-2. Hệ thống quản lý xuất xứ	Anh/chị có hệ thống quản lý xuất xứ không? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
	Nếu có, vui lòng mô tả ngắn gọn về hệ thống:
	Vui lòng mô tả ngắn gọn về hệ thống kế toán và lưu trữ sổ sách của anh/chị

MỤC F ► CÂU HỎI CUỐI CÙNG

1. Nhìn chung, anh/chị có muốn được đào tạo sâu hơn về các chủ đề liên quan đến việc xuất khẩu hàng hóa của anh/chị không?

11-1. Anh/chị muốn được đào tạo về chủ đề gì?	<input type="checkbox"/> Đào tạo về các quy tắc xuất xứ chung trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU <input type="checkbox"/> Đào tạo chung về Quy tắc xuất xứ (EUVNFTA, ASEAN ATIGA, Hiệp định giữa ASEAN và các nước khác ví dụ như Hàn Quốc) <input type="checkbox"/> Đào tạo về phân loại mã nguyên liệu và hàng hóa (Đào tạo về Hệ thống hài hòa hóa HS) <input type="checkbox"/> Đào tạo về các vấn đề liên quan đến thương mại, cụ thể là INCOTERMS.
------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

※ Nếu anh/chị có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng ghi dưới đây:

7.4 Phụ lục 4 – Bảng so sánh – rà soát khuôn khổ pháp lý (Thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương)

Các điều kiện phải đáp ứng:	Việt Nam - Dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ số 2	Cơ chế người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ trong FTA Việt Nam - EU	Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập GSP của EU – “REX” (Người xuất khẩu có đăng ký)	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) (xét từ phía nhà xuất khẩu VN xuất sang Hoa Kỳ)*	Khuyến nghị sửa đổi Thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương
Quy trình đăng ký với cơ quan chức năng	CÓ	CÓ với lô hàng có trị giá trên 6000 euro KHÔNG – Tự chứng nhận xuất xứ không cần đăng ký với lô hàng có trị giá dưới 6000 euro (hoặc tương đương theo đơn vị tiền tệ quốc gia)	CÓ với lô hàng có trị giá trên 6000 euro KHÔNG - Tự chứng nhận xuất xứ không cần đăng ký với lô hàng có trị giá dưới 6000 euro (hoặc tương đương theo đơn vị tiền tệ quốc gia)	KHÔNG (Người xuất khẩu khai báo xuất xứ cho Hải Quan – phương pháp tiếp cận “NAFTA” đối với nhập khẩu tại USA, Canada và Mexcio)	Miễn phí đăng ký tự chứng nhận xuất xứ cho các lô hàng nhỏ (ví dụ là lô hàng có giá trị 5000 USD hoặc nhiều hơn càng tốt nếu phù hợp với Phụ lục I – quy trình chứng nhận hoạt động trong ASEAN. Phụ lục này dự kiến cho phép trong giới hạn chỉ 200 USD, mức trị giá quá thấp cho các hóa đơn thương mại. Cho phép giới hạn lớn hơn chắc chắn sẽ thuận lợi hơn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong thương mại nội vùng ASEAN. Đăng ký cho giá trị cao hơn giới hạn cho mọi nhà xuất khẩu đủ điều kiện
Người nộp đơn phải đăng ký với Bộ phận đăng ký thương mại hoặc tương đương	CÓ	CÓ	CÓ	Người nhập khẩu khai báo – Tùy thuộc quy định của nước nhập khẩu	CÓ
Người nộp đơn phải là nhà sản xuất	CÓ	KHÔNG	KHÔNG	KHÔNG	Mở cửa hệ thống này cho người xuất khẩu, kể cả nếu họ không phải là nhà sản

Các điều kiện phải đáp ứng:	Việt Nam - Dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ số 2	Cơ chế người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ trong FTA Việt Nam - EU	Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập GSP của EU – “REX” (Người xuất khẩu có đăng ký)	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) (xét từ phía nhà xuất khẩu VN xuất sang Hoa Kỳ)*	Khuyến nghị sửa đổi Thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương
					xuất để phản ánh được thực tiễn thương mại phổ biến hiện nay
Xác nhận thường xuyên	CÓ, bao gồm việc trình nộp dữ liệu hàng tháng	Linh hoạt – về lý thuyết thì có, thực tế thì rất hạn chế Nếu người xuất khẩu không có hồ sơ lưu trữ cho một khoảng thời gian đủ dài, thì có thể có nhiều lần xác nhận thường xuyên hơn được tiến hành (bổ sung thực hành của EU nếu có)	Giống FTA Việt Nam - EU	Chỉ khi có yêu cầu của cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu	CÓ trình nộp dữ liệu xuất khẩu tháng trước theo cơ chế tự chứng nhận xuất xứ Tuy nhiên, nên đề xuất các giải pháp linh hoạt nếu tần suất xác nhận phụ thuộc và thời gian lưu giữ hồ sơ hàng hóa (bổ sung một số tiêu chí về tần suất nếu có thể)
Nhà xuất khẩu/nhà nhập khẩu phải trình nộp bằng chứng (về xuất xứ, hồ sơ bán hàng, hồ sơ kế toán, sổ sách, v.v.) bất kỳ lúc nào có yêu cầu	CÓ	CÓ	Giống FTA Việt Nam - EU	CÓ	CÓ
Bảo lãnh đầy đủ (có định nghĩa về bảo lãnh đó không?) về tình trạng xuất xứ của hàng hóa và khả năng đáp ứng mọi nghĩa vụ kèm theo	CÓ	CÓ	Giống FTA Việt Nam - EU	KHÔNG CÓ đối với nhà nhập khẩu hoặc người môi giới hải quan theo các điều kiện nhất định trong NAFTA	CÓ
Không có vi phạm	CÓ	CÓ Hải quan thụ lý yêu cầu phải có 3 năm không vi	Giống FTA Việt Nam - EU	KHÔNG	CÓ – linh hoạt cho các vi phạm không đáng kể. Nếu người nộp đơn có thể không

Các điều kiện phải đáp ứng:	Việt Nam - Dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ số 2	Cơ chế người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ trong FTA Việt Nam - EU	Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập GSP của EU – “REX” (Người xuất khẩu có đăng ký)	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) (xét từ phía nhà xuất khẩu VN xuất sang Hoa Kỳ)*	Khuyến nghị sửa đổi Thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương
		phạm kê từ trước khi nộp đơn đăng ký. Thực tế, các cơ quan chức năng đều linh hoạt đối với các vi phạm nhỏ không đáng kể đến các vi phạm trung bình nhưng họ đều từ chối đăng ký cho công ty phạm tội gian lận.			“trong sạch”, nên xác nhận thường xuyên hơn thay vì từ chối cho đăng ký.
Các biện pháp hình sự và hành chính của hành vi lạm dụng và gian lận	CÓ Xin hỏi về form D, người xuất khẩu có chịu trách nhiệm tương tự như vậy không? (vui lòng cho biết cơ sở pháp lý đối với các vi phạm form D, các luật và quy định hình sự và hành chính (Xin hỏi Bộ Công Thương)	CÓ, biện pháp nghiêm khắc đối với cả tự chứng nhận xuất xứ trên chứng từ thương mại và CO EUR.1 (Chứng nhận CO không giúp làm giảm trách nhiệm của nhà xuất khẩu)	Giống FTA Việt Nam - EU	CÓ, trách nhiệm pháp lý của nhà nhập khẩu	CÓ, cả giấy chứng nhận xuất xứ và tự chứng nhận đều phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau nhằm tránh phân biệt đối xử về “hình sự” và khiến cho cơ chế tự chứng nhận hấp dẫn.
Thu hồi	CÓ, nếu có vi phạm	CÓ, nếu có vi phạm nghiêm trọng (có thể định nghĩa thế nào là “nghiêm trọng” và “không đáng kể” không? Tuy nhiên thực hành EU lại khá mất cân bằng (có thể bổ sung thực hành EU không?) Thụy Sĩ thu hồi cơ chế này chỉ khi vi phạm nghiêm	Giống FTA Việt Nam - EU (trường hợp có thiếu sót nghiêm trọng vì bãi bỏ Form A, do đó việc thu hồi tương tự với việc dừng hoạt động trao đổi thương mại có trị giá trên 6000 euro của nhà xuất khẩu trên thực tế)	KHÔNG	CÓ, chỉ khi có vi phạm nghiêm trọng và có hành vi gian lận (có thể định nghĩa “nghiêm trọng” và “không đáng kể” không?)

Các điều kiện phải đáp ứng:	Việt Nam - Dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ số 2	Cơ chế người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ trong FTA Việt Nam - EU	Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập GSP của EU – “REX” (Người xuất khẩu có đăng ký)	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) (xét từ phía nhà xuất khẩu VN xuất sang Hoa Kỳ)*	Khuyến nghị sửa đổi Thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương
		trọng			
Hồ sơ lưu trữ trong 2 năm về xuất khẩu được ưu đãi theo cơ chế hiện hành	CÓ	<p>Linh hoạt về hồ sơ trong quá khứ và cả hồ sơ dự kiến trong tương lai</p> <p>Thay vì tập trung vào một số lượng lô hàng nhất định hay số tiền cụ thể, cơ quan chức năng nên tìm hiểu mức độ thường xuyên công ty tiến hành các hoạt động đó.</p>	KHÔNG	Không có quy định cụ thể nào về tự chứng nhận xuất xứ	<p>Bãi bỏ yêu cầu về hồ sơ cố định.</p> <p>Thay thế bằng yêu cầu linh hoạt hơn về tài liệu chứng từ trong quá khứ và sản lượng xuất khẩu dự kiến trong tương lai kết hợp với tần suất tiến hành hoạt động xác nhận xuất xứ (có hồ sơ lưu trữ trong thời gian dài thì chỉ cần giám sát ít, hồ sơ lưu trữ trong thời gian ngắn thì cần giám sát chặt chẽ hơn và sau đó là xác nhận tại thực địa.)</p>
Sản lượng xuất khẩu 10 triệu (hay “yêu cầu xuất khẩu thường xuyên”)	CÓ (có thể coi như là một biện pháp thay thế “tần suất xuất khẩu” theo cách tiếp cận FTA của EU)	<p>KHÔNG</p> <p>Nhưng các hiệp định ưu đãi thường yêu cầu tần suất xuất khẩu nhất định</p> <p>FTA EU-Hàn Quốc bỏ qua tiêu chí về tần suất xuất khẩu vì chỉ có lựa chọn duy nhất là tự chứng nhận xuất xứ.</p>	KHÔNG Không áp dụng tiêu chí “tần suất xuất khẩu” sau khi thực thi REX	KHÔNG	<p>Bãi bỏ hạn chế này vì không thiết thực.</p> <p>Công cụ duy nhất để đo lường nên là tần suất xuất khẩu đã thực hiện và/hoặc xuất khẩu dự kiến.</p>
Đào tạo cụ thể về xuất xứ	CÓ	Linh hoạt – “yêu cầu bằng chứng kiến thức về quy tắc	KHÔNG	KHÔNG	Bãi bỏ yêu cầu bắt buộc về đào tạo – thay thế bằng yêu

Các điều kiện phải đáp ứng:	Việt Nam - Dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ số 2	Cơ chế người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ trong FTA Việt Nam - EU	Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập GSP của EU – “REX” (Người xuất khẩu có đăng ký)	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) (xét từ phía nhà xuất khẩu VN xuất sang Hoa Kỳ)*	Khuyến nghị sửa đổi Thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương
		xuất xứ”			câu linh hoạt về bằng chứng kiến thức về xuất xứ (phiếu điều tra toàn diện sẽ giúp đảm bảo bằng chứng này).
Thời hạn cho phép	KHÔNG	KHÔNG Cho phép không giới hạn thời gian để thiết lập bằng chứng xuất xứ của người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ và cấp cho một mã số cho phép.	KHÔNG	Người vi phạm có thể bị cấm xuất khẩu/nhập khẩu	KHÔNG
Chữ ký	CÓ	Người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận có thể bỏ qua chữ ký nếu chứng từ thương mại có chứa khai báo xuất xứ là chứng từ điện tử (ngày nay thì loại này chiếm 99%)	CÓ	Không áp dụng (người nhập khẩu khai báo khi hàng đến nơi)	Để phù hợp với Phụ lục I trong chương về Quy tắc xuất xứ của ATIGA, (quy tắc 12B), vẫn phải giữ yêu cầu về chữ ký và tên của người được ủy quyền.
Phí và lệ phí	KHÔNG Theo nghị định của Thủ tướng chính phủ VN, kể từ năm 2009 không thu lệ phí Form A (và cả Form D, v.v.)	KHÔNG	KHÔNG	KHÔNG	KHÔNG (có nghĩa là không thu phí đối với cơ chế hiện hành)
Tự chứng nhận xuất xứ là lựa chọn thay thế cho giấy	CÓ	CÓ Ngoại lệ duy nhất là FTA	CÓ, hiện tại là đối với lô hàng có trị giá trên	Chỉ áp dụng tự chứng nhận xuất xứ, không phải đăng ký	CÓ, giữ làm lựa chọn thay thế cho người xuất khẩu

Các điều kiện phải đáp ứng:	Việt Nam - Dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ số 2	Cơ chế người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ trong FTA Việt Nam - EU	Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập GSP của EU – “REX” (Người xuất khẩu có đăng ký)	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) (xét từ phía nhà xuất khẩu VN xuất sang Hoa Kỳ)*	Khuyến nghị sửa đổi Thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương
chứng nhận thông thường		EU-Hàn Quốc không dự kiến tiếp tục áp dụng CO EUR.1. Lựa chọn duy nhất là tự chứng nhận xuất xứ với tư cách là người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ đối với lô hàng xuất khẩu có trị giá trên 6000 euro.	6000 euro KHÔNG kể từ năm 2017 Form A sẽ bị loại bỏ vào năm 2017, có thể gia hạn đến 2020. Tự chứng nhận xuất xứ không cần đăng ký với lô hàng có trị giá dưới 6000 euro.		
Cơ sở dữ liệu đăng ký mở và tham vấn với các bên thứ ba (ví dụ thương nhân, Hải quan, các Bộ ngành tại VN và nước ngoài)	<p>Hệ thống EcoSYS cho phép đăng ký trực tuyến và Việt Nam có áp dụng chữ ký điện tử.</p> <p>EcoSYS không cho phép bên thứ ba truy cập trực tuyến cho các mục đích tham vấn (Vui lòng xác nhận điều này)</p>	<p>KHÔNG</p> <p>Hải quan không chia sẻ danh sách tên giữa các cơ quan hải quan khác nhau hay với doanh nghiệp</p>	<p>CÓ</p> <p>Một khi được thực thi, công chúng sẽ có thể tiếp cận được cơ sở dữ liệu trung tâm của hệ thống REX theo GSP của EU (vì vậy thương nhân và hải quan có thể trực tiếp xác nhận mã số phê chuẩn và xuất xứ được khai trong hóa đơn, nhưng chỉ là các mã số và xuất xứ do nước thụ hưởng phát hành)</p>	<p>KHÔNG</p>	<p>Khuyến dùng</p> <p>Cơ sở dữ liệu mở sẽ tăng cường hình ảnh và sự chấp nhận đối với cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN và làm cho hải quan ASEAN có thể xác nhận các thông tin cơ bản một cách nhanh chóng và đơn giản. Các nhà nhập khẩu sản phẩm Việt Nam cũng có thể kiểm tra. Hồ sơ ghi chép về xuất xứ hàng hóa sẽ giúp tăng cường độ tin cậy và cơ hội của doanh nghiệp.</p> <p>Ưu tiên dữ liệu có thể được trích xuất dễ dàng từ</p>

Các điều kiện phải đáp ứng:	Việt Nam - Dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ số 2	Cơ chế người xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ trong FTA Việt Nam - EU	Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập GSP của EU – “REX” (Người xuất khẩu có đăng ký)	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) (xét từ phía nhà xuất khẩu VN xuất sang Hoa Kỳ)*	Khuyến nghị sửa đổi Thông tư số 28/2015/TT-Bộ Công Thương
					EcoSYS Việt Nam có thể chia sẻ hệ thống EcoSYS (thậm chí là tài trợ) với các nước ASEAN khác mà vẫn chưa có hệ thống trực tuyến này.

*) Để thực thi TPP, Việt Nam nên xác minh luật pháp quốc gia cho phép nhà nhập khẩu khai báo xuất xứ (không yêu cầu phải xuất trình Chứng nhận xuất xứ mới được hưởng ưu đãi thuế quan) và áp đặt các chế tài đối với người vi phạm.

7.5 Phụ lục 5 – Đánh giá nhu cầu đào tạo

Mô tả	Xác định lỗ hổng kiến thức	Nhận xét / Thông tin bổ sung	Tiêu đề đào tạo	Các bên liên quan	Yêu cầu về trình độ và kiến thức của nhân viên	Đơn vị tổ chức	Phân bổ nguồn lực	Các kết quả chỉ số hiệu suất chính
I. Giới thiệu EVFTA	Cả nhà sản xuất và thương nhân đều quan tâm đến các cơ hội có được từ các hiệp định thương mại tự do mới được Việt Nam ký kết và thực hiện, trong đó có EVFTA. Tuy nhiên, trong khi ATIGA của ASEAN	Mặc dù đã có vài hội thảo được tổ chức, theo thống kê của Bộ Công Thương, chỉ có 2% số người dùng tiềm năng các hiệp định ưu đãi tham gia. Rất cần phải phổ biến trực tiếp cho các hiệp hội và nhà sản xuất về	“Cơ hội đến từ EVFTA và các Quy tắc xuất xứ của hiệp định này”	Hiệp hội các nhà sản xuất và xuất khẩu Ban quản lý khu thương mại tự do Nhà sản xuất và nhà xuất khẩu	Tất cả các cá nhân tiến hành xuất nhập khẩu hoặc là nhà thầu phụ cho hoạt động xuất nhập khẩu	Dự án EU-MUTRAP 2 chuyên gia cấp cao	Tối đa 5 hội thảo 2 ngày tại các địa phương chiến lược của Việt Nam	- Tăng cường hiểu biết chung về EVFTA và các hiệp định khác, logic và cách tiếp cận - Tăng cường hiểu biết chung về Quy tắc xuất xứ, gồm có khái

Mô tả	Xác định lỗ hổng kiến thức	Nhận xét / Thông tin bổ sung	Tiêu đề đào tạo	Các bên liên quan	Yêu cầu về trình độ và kiến thức của nhân viên	Đơn vị tổ chức	Phân bổ nguồn lực	Các kết quả chỉ số hiệu suất chính
	được nhiều người được biết đến, khái niệm về các FTA thế hệ mới như EVFTA là khá mới với nhiều nhà sản xuất và thương nhân. Quy tắc xuất xứ khác với ATIGA và là một trong những điều kiện chính để gia nhập thị trường EU. Vì vậy, cần phải hiểu rõ hơn nữa về EVFTA.	các cơ hội từ các hiệp định này, đặc biệt là EVFTA.						niệm, cấu trúc, quy tắc chuyển đổi mã hàng hóa và các quy tắc tổng quát khác.
II. Quy tắc xuất xứ								
a. Khái niệm chung về quy tắc xuất xứ	Mặc dù các tọa đàm về hiệp định thương mại tự do nói chung có thể thu hút rất nhiều nhà xuất khẩu và sản xuất tiềm năng, thông tin được phổ biến chỉ là bước đầu tiên để có thể hiểu sâu hơn về quy tắc xuất xứ. Đối với các cá nhân làm công tác kỹ thuật, vẫn	Đào tạo về quy tắc xuất xứ chung, không liên quan đến ngành cụ thể nào, nhằm giải thích nguyên tắc cốt lõi của quy tắc xuất xứ trong các hiệp định khác nhau và tập trung sâu hơn vào các quy tắc tổng quát từ phân loại thuế quan, tiêu	“Khái niệm Quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định thương mại ưu đãi – kiến thức chung”	Hiệp hội các nhà sản xuất và xuất khẩu Ban quản lý khu thương mại tự do Nhà sản xuất và nhà xuất khẩu Môi giới/đại lý	Tất cả các cá nhân tiến hành xuất nhập khẩu hoặc là nhà thầu phụ cho hoạt động xuất nhập khẩu	Dự án EU-MUTRAP 2 chuyên gia cấp cao	Tối đa 5 hội thảo 2 ngày tại các địa phương chiến lược của Việt Nam	- Tăng cường kiến thức chung về quy tắc xuất xứ - Tăng cường kiến thức về quy tắc cụ thể mặt hàng - Hiểu biết cơ bản

Mô tả	Xác định lỗ hổng kiến thức	Nhận xét / Thông tin bổ sung	Tiêu đề đào tạo	Các bên liên quan	Yêu cầu về trình độ và kiến thức của nhân viên	Đơn vị tổ chức	Phân bổ nguồn lực	Các kết quả chỉ số hiệu suất chính
i) Nông sản và thực phẩm chế biến	Nông sản là sản phẩm xuất khẩu truyền thống, quan trọng của Việt Nam. Để hiểu sâu hơn các kiến thức phổ thông, phải đào tạo cụ thể để làm quen các quy tắc xuất xứ phức tạp như của EVFTA cho ngành này.	Với trường hợp đặc biệt như nông sản, phải kết hợp đào tạo về quy tắc xuất xứ với đào tạo chung về hàng rào thương mại phi thuế, đặc biệt là các yêu cầu SPS của EU. Một phần nội dung đào tạo sẽ được dành cho các vấn đề hành chính, bao gồm bằng chứng xuất xứ, tự chứng nhận xuất xứ, lưu trữ sổ sách và xác nhận xuất xứ.	“Hội thảo chuyên đề về Quy tắc xuất xứ trong EVFTA và các hiệp định khác, với trọng tâm là ngành nông nghiệp và các yêu cầu SPS”	Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) Các nhà sản xuất nông sản và chế biến thực phẩm	Tất cả các cá nhân tiến hành xuất nhập khẩu hoặc là nhà thầu phụ cho hoạt động xuất nhập khẩu. Học viên cần phải có hiểu biết tổng quát về quy tắc xuất xứ hoặc đã từng tham gia vào khóa đào tạo trong mục a)	Dự án EU-MUTRAP 2 chuyên gia cấp cao	Tối đa 5 hội thảo 3 ngày tại các địa phương chiến lược của Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức nâng cao về quy tắc xuất xứ chung - Kiến thức nâng cao về quy tắc cụ thể mặt hàng - Kiến thức nâng cao về phân loại thuế quan nguyên liệu và hàng hóa - Kiến thức nâng cao về quy trình và thủ tục liên quan đến quy tắc xuất xứ - Hiểu biết cơ bản về hàng rào thương mại phi thuế quan, đặc biệt là SPS

Mô tả	Xác định lỗ hổng kiến thức	Nhận xét / Thông tin bổ sung	Tiêu đề đào tạo	Các bên liên quan	Yêu cầu về trình độ và kiến thức của nhân viên	Đơn vị tổ chức	Phân bổ nguồn lực	Các kết quả chỉ số hiệu suất chính
ii) Xăng dầu và hóa chất, nhựa và cao su	Quy tắc xuất xứ đối với ngành hóa chất có khác biệt nhỏ so với các ngành khác và đây là lí do cần có chương trình đào tạo cụ thể cho ngành quan trọng này. Ngành hóa chất và ngành xăng dầu có những quy tắc đặc biệt đối với tiêu chí ngưỡng tối thiểu và đối với sự kết hợp giữa các quy tắc giá trị với quy tắc dựa trên thuế quan.	Một phần nội dung đào tạo sẽ được dành cho các vấn đề hành chính, bao gồm bằng chứng xuất xứ, tự chứng nhận xuất xứ, lưu trữ sổ sách và xác nhận xuất xứ.	“Hội thảo chuyên đề về Quy tắc xuất xứ trong EVFTA và các hiệp định khác, với trọng tâm là ngành hóa chất, xăng dầu, nhựa và cao su”	Ngành công nghiệp hóa dầu, hóa chất, dược phẩm, ngành công nghiệp cao su và nhựa.	Tất cả các cá nhân tiến hành xuất nhập khẩu hoặc là nhà thầu phụ cho hoạt động xuất nhập khẩu. Học viên cần phải có hiểu biết tổng quát về quy tắc xuất xứ hoặc đã từng tham gia vào khóa đào tạo trong mục a)	Dự án EU-MUTRAP 2 chuyên gia cấp cao		<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức nâng cao về quy tắc xuất xứ chung - Kiến thức nâng cao về quy tắc cụ thể mặt hàng - Kiến thức nâng cao về phân loại thuế quan nguyên liệu và hàng hóa - Kiến thức nâng cao về quy trình và thủ tục liên quan đến quy tắc xuất xứ
iii) Ngành dệt may	TPP/EVFTA và các FTA khác thực sự là cơ hội nếu doanh nghiệp nắm vững các quy tắc xuất xứ, lựa chọn tiêu chí xuất xứ phù hợp và áp dụng đúng các quy	Có thể nói, Việt Nam có hàng trăm nghìn doanh nghiệp/xưởng dệt may nhưng không đến 1% số đó được trang bị kiến thức đầy đủ về vấn đề này. Các	“Hội thảo chuyên đề về Quy tắc xuất xứ trong EVFTA và các hiệp định khác, với trọng tâm là ngành	Doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước sản xuất hàng dệt may Hiệp hội dệt	Tất cả các cá nhân tiến hành xuất nhập khẩu hoặc là nhà thầu phụ cho hoạt động xuất nhập	Dự án EU-MUTRAP 2 chuyên gia cấp cao	5 hội thảo 3 ngày tại - Đồng Na - Bình Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức nâng cao về quy tắc xuất xứ chung - Kiến thức nâng cao về quy tắc

Mô tả	Xác định lỗ hổng kiến thức	Nhận xét / Thông tin bổ sung	Tiêu đề đào tạo	Các bên liên quan	Yêu cầu về trình độ và kiến thức của nhân viên	Đơn vị tổ chức	Phân bổ nguồn lực	Các kết quả chỉ số hiệu suất chính
	<p>trình xuất xứ.</p> <p>Mặt khác, các FTA này sẽ trở thành thách thức và cạm bẫy nếu doanh nghiệp không biết mã HS chính xác, không biết cách áp dụng đúng quy tắc xuất xứ, quy trình chứng nhận/tự chứng nhận/tự khai báo.</p> <p>Kiến thức về xuất xứ cũng cần bao gồm tiêu chí ngưỡng tối thiểu đặc biệt trong phần mở đầu của EVFTA. Có nghĩa là nội dung đào tạo còn phải tập trung vào các nguyên liệu sợi và vải đặc biệt. Nếu không có đầy đủ những kiến thức này, doanh nghiệp Việt Nam cùng các nhà sản xuất vải, hàng may mặc sẽ không thể hưởng lợi đầy đủ từ hiệp định này.</p>	<p>ngành quan trọng khác của Việt Nam cũng rơi vào tình trạng tương tự, ví dụ như hàng nông sản thô và qua chế biến, hóa chất, máy móc.</p> <p>Vậy nên đào tạo về xuất xứ là thực sự cần thiết và cấp bách, đặc biệt là trong bối cảnh các FTA này sẽ có hiệu lực trong vòng một hai năm tới. Nếu không, mức thuế quan áp dụng cho hàng hóa xuất từ Việt Nam sang EU hay các đối tác TPP vẫn chỉ là mức MFN thay vì mức thuế quan theo FTA. Khi đó, mức độ tận dụng lợi ích từ các FTA sẽ không được như kỳ vọng của Chính phủ và doanh nghiệp.</p>	dệt may”	may Việt Nam - VITAS	<p>khẩu.</p> <p>Học viên cần phải có hiểu biết tổng quát về quy tắc xuất xứ hoặc đã từng tham gia vào khóa đào tạo trong mục a)</p>		<ul style="list-style-type: none"> - TP. HCM - Tây Ninh - Hải Dương 	<ul style="list-style-type: none"> - cụ thể mặt hàng - Kiến thức nâng cao về phân loại thuế quan nguyên liệu và hàng hóa - Kiến thức nâng cao về quy trình và thủ tục liên quan đến quy tắc xuất xứ

Mô tả	Xác định lỗ hổng kiến thức	Nhận xét / Thông tin bổ sung	Tiêu đề đào tạo	Các bên liên quan	Yêu cầu về trình độ và kiến thức của nhân viên	Đơn vị tổ chức	Phân bổ nguồn lực	Các kết quả chỉ số hiệu suất chính
		<p>Một phiên đào tạo đặc biệt sẽ xử lý các thách thức phát sinh từ TPP sắp tới.</p> <p>Một phần nội dung đào tạo sẽ được dành cho các vấn đề hành chính, bao gồm bằng chứng xuất xứ, tự chứng nhận xuất xứ, lưu trữ sổ sách và xác nhận xuất xứ.</p>						
iv) Giày dép, các mặt hàng dệt đã hoàn thiện (Chương 63 hệ thống HS), mũ và các mặt hàng đã	Giày dép cũng là một ngành công nghiệp quan trọng. Quy tắc xuất xứ của ngành này hơi khác so với ngành dệt may. Vậy nên cần phải có chương trình đào tạo ngắn, cụ thể về tính riêng biệt của quy tắc xuất xứ ngành này.	Một phần nội dung đào tạo sẽ được dành cho các vấn đề hành chính, bao gồm bằng chứng xuất xứ, tự chứng nhận xuất xứ, lưu trữ sổ sách và xác nhận xuất xứ.	“Hội thảo chuyên đề về Quy tắc xuất xứ trong EVFTA và các hiệp định khác, với trọng tâm là ngành giày dép”	Các nhà sản xuất giày dép và các sản phẩm dệt hoàn thiện (ga gối, chăn, khăn, tất, v.v.) các nhà sản xuất phụ kiện khác (mũ, ô, v.v.) Hiệp hội dệt may Việt Nam - VITAS	Tất cả các cá nhân tiến hành xuất nhập khẩu hoặc là nhà thầu phụ cho hoạt động xuất nhập khẩu. Học viên cần phải có hiểu biết tổng quát về quy tắc xuất xứ hoặc đã từng tham gia vào khóa đào	Dự án EU-MUTRAP 2 chuyên gia cấp cao	3 hội thảo 2 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức nâng cao về quy tắc xuất xứ chung - Kiến thức nâng cao về quy tắc cụ thể mặt hàng - Kiến thức nâng cao về phân loại thuế quan nguyên liệu và hàng hóa

Mô tả	Xác định lỗ hổng kiến thức	Nhận xét / Thông tin bổ sung	Tiêu đề đào tạo	Các bên liên quan	Yêu cầu về trình độ và kiến thức của nhân viên	Đơn vị tổ chức	Phân bổ nguồn lực	Các kết quả chỉ số hiệu suất chính
hoàn thiện khác					được tạo trong mục a)			- Kiến thức nâng cao về quy trình và thủ tục liên quan đến quy tắc xuất xứ
v) Ngành máy móc và thiết bị, ô tô	<p>Số lượng các doanh nghiệp ngành máy móc, điện tử và ô tô ngày càng tăng cho thấy FTA có thể đem lại một cơ hội tốt cho họ.</p> <p>Một hội thảo chuyên đề sẽ giúp cho các ngành này xử lý được các bộ quy tắc xuất xứ đặc biệt trong các hiệp định khác nhau, giúp doanh nghiệp có thể hưởng lợi đầy đủ vì được miễn thuế ở nước ngoài.</p>	<p>Hội thảo sẽ tập trung vào các hoạt động lắp ráp và các hoạt động hoàn thiện các linh kiện bán thành phẩm.</p> <p>Một phiên đào tạo đặc biệt sẽ xử lý các thách thức phát sinh từ TPP sắp tới.</p> <p>Một phần nội dung đào tạo sẽ được dành cho các vấn đề hành chính, bao gồm bằng chứng xuất xứ, tự chứng nhận xuất xứ, lưu trữ sổ sách và xác nhận xuất xứ.</p>	“Hội thảo chuyên đề về Quy tắc xuất xứ trong EVFTA và các hiệp định khác, với trọng tâm là ngành máy móc và ô tô”	<p>Các nhà sản xuất máy móc, thiết bị, ô tô cấp độ từ 1-3</p> <p>Các hiệp hội liên quan</p>	<p>Tất cả các cá nhân tiến hành xuất nhập khẩu hoặc là nhà thầu phụ cho hoạt động xuất nhập khẩu.</p> <p>Học viên cần phải có hiểu biết tổng quát về quy tắc xuất xứ hoặc đã từng tham gia vào khóa đào tạo trong mục a)</p>	<p>Dự án EU-MUTRAP</p> <p>2 chuyên gia cấp cao và 2 chuyên gia trong nước</p>	3 hội thảo 2 ngày	<p>- Kiến thức nâng cao về quy tắc xuất xứ chung</p> <p>- Kiến thức nâng cao về quy tắc cụ thể mặt hàng</p> <p>- Kiến thức nâng cao về phân loại thuế quan nguyên liệu và hàng hóa</p> <p>- Kiến thức nâng cao về quy trình và thủ tục liên quan đến quy tắc xuất xứ</p>

Mô tả	Xác định lỗ hổng kiến thức	Nhận xét / Thông tin bổ sung	Tiêu đề đào tạo	Các bên liên quan	Yêu cầu về trình độ và kiến thức của nhân viên	Đơn vị tổ chức	Phân bổ nguồn lực	Các kết quả chỉ số hiệu suất chính
III. Đào tạo cách áp dụng hệ thống HS	<p>Đào tạo cách áp dụng Hệ thống Hải hòa (HS): giới thiệu hệ thống HS, chức năng và cơ sở của hệ thống HS, phân loại đúng sản phẩm và vật liệu, các quy tắc diễn giải tổng quát (GIRs).</p> <p>Khảo sát cho thấy tất cả nhà sản xuất và xuất khẩu đều để cho nhà nhập khẩu ở điểm cuối xác định mã HS của sản phẩm cuối cùng. Điều này cho thấy kiến thức hạn chế về các vấn đề mã HS.</p>	Quy tắc xuất xứ trong EVFTA được xây dựng dựa trên phân loại thuế quan của sản phẩm cuối cùng nhưng đồng thời cũng dựa trên nguyên liệu đầu vào. Nguyên tắc giá trị gia tăng chỉ được sử dụng trong một số lĩnh vực cụ thể của một vài chương HS.	“Hội thảo chuyên đề về phân loại hàng hóa theo Hệ thống hải hòa (HS), với trọng tâm là quy tắc xuất xứ trong EVFTA và các hiệp định khác”	<p>Hiệp hội các nhà sản xuất và xuất khẩu</p> <p>Ban quản lý khu thương mại tự do</p> <p>Nhà sản xuất và nhà xuất khẩu</p> <p>Môi giới/đại lý hải quan</p> <p>Cơ quan hải quan</p> <p>Bộ Công Thương</p>	Tất cả các cá nhân tiến hành xuất nhập khẩu hoặc là nhà thầu phụ cho hoạt động xuất nhập khẩu. Cán bộ Bộ Công Thương và Hải quan	Dự án EU-MUTRAP 2 chuyên gia cấp cao và 2 chuyên gia trong nước	3 hội thảo 4 ngày	Kiến thức nâng cao về Hệ thống HS
IV. Đào tạo riêng về trị giá tính thuế hải quan, hiệp định WTO và các thực hành hải	Quy tắc xuất xứ trong ATIGA và một phần trong EVFTA dựa trên các quy tắc xuất xứ theo giá trị. Vì vậy cần phải biết giá trị chính xác của đầu vào và đầu ra để xác định phân loại mã HS	Một module đặc biệt về INCOTERMS vì đây là các khái niệm giúp xác định sự khác biệt về giá trị giữa các thỏa thuận thương mại ưu đãi khác nhau. Trong khi ATIGA sử	“Đào tạo chuyên đề về trị giá tính thuế hải quan”	<p>Hiệp hội các nhà sản xuất và xuất khẩu</p> <p>Ban quản lý khu thương mại tự do</p> <p>Nhà sản xuất và</p>	Tất cả các cá nhân tiến hành xuất nhập khẩu hoặc là nhà thầu phụ cho hoạt động xuất nhập khẩu.	Dự án EU-MUTRAP 2 chuyên gia cấp cao	3 hội thảo 1 ngày	<p>- Kiến thức nâng cao về trị giá tính thuế hải quan</p> <p>- Hiểu biết cơ bản về INCOTEM được sử dụng</p>

Mô tả	Xác định lỗ hổng kiến thức	Nhận xét / Thông tin bổ sung	Tiêu đề đào tạo	Các bên liên quan	Yêu cầu về trình độ và kiến thức của nhân viên	Đơn vị tổ chức	Phân bổ nguồn lực	Các kết quả chỉ số hiệu suất chính
quan hoặc kết hợp với đào tạo về Hệ thống HS.	của nguyên loại và hàng hóa.	dụng FOB thì EVFTA lại sử dụng giá ex-work làm cơ sở tính toán phần trăm giá trị gia tăng.		nhà xuất khẩu Môi giới/đại lý hải quan Bộ Công Thương	Cán bộ Bộ Công Thương và Hải quan			trong thực hành thương mại
V. Xây dựng tài liệu đào tạo cho cán bộ Chính phủ và cơ quan địa phương sử dụng để đào tạo cho hiệp hội và doanh nghiệp.	Chi tổ chức hội thảo không thể đáp ứng được nhu cầu về thông tin và đào tạo nên phải lập đầy bằng các tài liệu đào tạo vì các tài liệu này sẽ là hướng dẫn và công cụ cho Bộ Công Thương và các cơ quan khác đào tạo tiếp cho doanh nghiệp.		Xây dựng tài liệu đào tạo	Chính phủ và doanh nghiệp		Dự án EU-MUTRAP 2 chuyên gia cấp cao và 2 chuyên gia trong nước	Xác định sau	- Tăng cường hiểu biết chung về EVFTA và các hiệp định khác, logic và cách tiếp cận - Tăng cường hiểu biết về Quy tắc xuất xứ chung; ví dụ như khái niệm, cấu trúc, quy tắc chuyển đổi mã hàng hóa, các quy tắc tổng quát
VI. Xây dựng tài	Cần phải tạo điều kiện và đưa ra các lựa chọn	Tài liệu đào tạo phải đưa ra cái nhìn sâu sắc		Doanh nghiệp,		Dự án EU-	Soạn thảo và phát hành 2000	- Tăng cường hiểu biết chung

Mô tả	Xác định lỗ hổng kiến thức	Nhận xét / Thông tin bổ sung	Tiêu đề đào tạo	Các bên liên quan	Yêu cầu về trình độ và kiến thức của nhân viên	Đơn vị tổ chức	Phân bổ nguồn lực	Các kết quả chỉ số hiệu suất chính
liệu đào tạo và các bản tóm lược những điều cần thiết cho doanh nghiệp.	đào tạo cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tiếp cận được mọi nhà xuất khẩu tiềm năng là gần như không thể. Vì vậy, cơ quan nhà nước và bản thân các doanh nghiệp phải có tài liệu đào tạo riêng của mình mà vẫn theo tiêu chuẩn và hài hòa với nhau.	về quy tắc xuất xứ cho người đọc, phải thực tế và dễ hiểu nhất có thể. Tài liệu có thể dưới dạng tài liệu in, sổ tay hoặc tệp PDF có thể tải xuống được, cũng có thể dưới dạng âm thanh hình ảnh.		hiệp hội Phòng thương mại công nghiệp khu vực hoặc văn phòng đại diện Bộ Công Thương Đại lý/môi giới hải quan		MUTRAP 2 chuyên gia cấp cao và 2 chuyên gia trong nước	cuốn sổ tay, 2000 tờ rơi và 2000 USB thông tin. Thiết lập công cụ tải xuống trực tuyến	về EVFTA và các hiệp định khác, logic và cách tiếp cận - Tăng cường hiểu biết về Quy tắc xuất xứ chung; ví dụ như khái niệm, cấu trúc, quy tắc chuyển đổi mã hàng hóa, các quy tắc tổng quát
VII. Kết hợp với Bộ Công Thương và các trung tâm đào tạo độc lập tổ chức khóa đào tạo trực tuyến về	Các văn bản tài liệu có thể cung cấp kiến thức chung về quy tắc xuất xứ. Tương tự như hội thảo chuyên đề, tổ chức khóa đào tạo trực tuyến là lựa chọn thứ hai đem lại kiến thức nâng cao về chủ đề. Khóa học sẽ giúp		Tiếp cận theo từng bước 1) Cơ bản 2) Nâng cao 3) Chuyên nghiệp	Associations for producers and exporters Hiệp hội các nhà sản xuất và xuất khẩu Ban quản lý khu thương mại tự	Tất cả các cá nhân tiến hành xuất nhập khẩu hoặc là nhà thầu phụ cho hoạt động xuất nhập khẩu. Cán bộ Bộ Công Thương và Hải quan	Dự án EU-MUTRAP 2 chuyên gia cấp cao và 4 chuyên gia trong nước	Quyết định sau (Dự kiến sẽ được đồng tài trợ từ các tổ chức như Dự án EU-MUTRAP, USAID, IADB, ADB)	- Kiến thức nâng cao về quy tắc xuất xứ chung - Kiến thức nâng cao về quy tắc cụ thể mặt hàng - Kiến thức nâng cao về phân loại thuế quan

Mô tả	Xác định lỗ hổng kiến thức	Nhận xét / Thông tin bổ sung	Tiêu đề đào tạo	Các bên liên quan	Yêu cầu về trình độ và kiến thức của nhân viên	Đơn vị tổ chức	Phân bổ nguồn lực	Các kết quả chỉ số hiệu suất chính
quy tắc xuất xứ. Khóa đào tạo cũng bao gồm các module về hàng rào phi thuế, hệ thống HS và trị giá tính thuế hải quan	học viên đạt được các mục tiêu theo nhu cầu, ví dụ như tập trung nhiều hơn vào quy tắc xuất xứ chung, về ngành cụ thể hay các vấn đề khác như phân loại mã HS và các rào cản phi thuế đối với thương mại.			do Nhà sản xuất và nhà xuất khẩu Môi giới/đại lý hải quan Cơ quan hải quan Bộ Công Thương				nguyên liệu và hàng hóa - Kiến thức nâng cao về quy trình và thủ tục liên quan đến quy tắc xuất xứ - Kiến thức nâng cao về hàng rào thương mại phi thuế - Kiến thức nâng cao về trị giá tính thuế hải quan

7.6 Phụ lục 6 – Đánh giá phiếu điều tra

TÓM LƯỢC & PHÂN TÍCH

Các ý kiến phản hồi của doanh nghiệp tại phiếu điều tra về xuất xứ và đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ

(Thực hiện bởi các chuyên gia trong nước dựa trên ý kiến phản hồi nhận được từ hai hội thảo tổ chức tại Tp. HCM và Hà Nội)

Với sự hỗ trợ của Dự án Hỗ trợ Chính sách Thương mại và Đầu tư của châu Âu (EU-MUTRAP), Cục Xuất nhập khẩu Bộ Công Thương và Dự án EU-MUTRAP đã đồng tổ chức hai hội thảo tại Tp. HCM (ngày 24 tháng 5 năm 2016) và tại Hà Nội (ngày 26 tháng 5 năm 2016) nhằm giới thiệu cho mọi tổ chức liên quan tại miền Bắc và miền Nam về tự chứng nhận/tự khai báo xuất xứ trong các FTA chất lượng cao thế hệ mới như TPP, EVFTA và đưa ra các đề xuất áp dụng hiệu quả cơ chế này cho Việt Nam (cả chính phủ và doanh nghiệp). và Đơn đăng ký tự chứng nhận xuất xứ và phiếu điều tra tự chứng nhận xuất xứ đã được gửi đến/phân phát cho các bên liên quan. Hơn 200 phiếu đã được gửi đi nhưng chỉ có 62 phiếu phản hồi gửi lại cho Ban tổ chức và dưới đây là phân tóm lược và phân tích các ý kiến phản hồi của doanh nghiệp.

Mục tiêu của Phiếu điều tra

100% trong số 62 doanh nghiệp phản hồi đã tích vào ô “Đăng ký tự chứng nhận xuất xứ”. Điều này có nghĩa là tất cả các doanh nghiệp đều mong muốn cơ chế này được áp dụng tại Việt Nam. Các doanh nghiệp không tích vào ô “Xác nhận xuất xứ của nguyên liệu hoặc hàng hóa thuộc phạm vi của cơ chế tự chứng nhận xuất xứ”, có thể là do (i) doanh nghiệp không biết nhiều về vấn đề này; (ii) họ chỉ tập trung vào mong muốn được trở thành “nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ” ở Việt Nam.

THÔNG TIN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN

Nhà sản xuất hay nhà xuất khẩu?

40/62 công ty là nhà xuất khẩu và cũng là nhà sản xuất của hàng hóa khai trong phiếu điều tra, chiếm 72,6% số lượng công ty có phản hồi. Số còn lại (22/62, chiếm 27,4%) chỉ tích vào ô “nhà xuất khẩu”, nghĩa là họ chỉ làm thương mại, không sản xuất, có không nhà máy/cơ sở sản xuất hàng hóa khi trong phiếu điều tra.

Dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ lần 2 của ASEAN mà Việt Nam tham gia chỉ cho phép nhà sản xuất đồng thời xuất khẩu trở thành “nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ”.

Các thành viên tham gia vào Dự án thí điểm nghĩ rằng (i) chỉ những nhà sản xuất kiêm xuất khẩu mới có thể hiểu đầy đủ về quy trình sản xuất, nguồn đầu vào, tổng chi phí, tính toán hàm lượng nội địa (RVC) hay chuyển đổi mã hàng hóa (CTC) giữa mã HS đầu vào và mã HS đầu ra,... (ii) hệ thống luật trong nước chưa đủ chặt chẽ để cho phép nhiều loại nhà xuất khẩu

tham gia vào cơ chế này, hệ thống C/O hiện tại vẫn xảy ra nhiều hành vi lừa dối/vi phạm; nếu cơ chế tự chứng nhận xuất xứ không chỉ cho phép nhà sản xuất mà cả nhà xuất khẩu hay thậm chí nhà nhập khẩu tự xác nhận/tự khai báo xuất xứ hàng hóa, **sẽ khiến cho hiệu quả quản lý kém và tạo điều kiện cho các hành vi lừa dối.**

Một số lần liên hệ trực tiếp với các bên liên quan trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu khác nhau (nông nghiệp, dệt may, da giày, thép, đồ gỗ, nhựa, thủy sản,...) cho thấy hầu hết các doanh nghiệp đều muốn chính phủ sửa đổi quy định sao cho không chỉ cho phép nhà sản xuất mà cả nhà xuất khẩu là tham gia vào cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của ASEAN trước, sau đó là các FTA Việt Nam ký kết.

Doanh nghiệp Việt Nam hay doanh nghiệp FDI?

Trong số 62 doanh nghiệp phản hồi, 36 doanh nghiệp là doanh nghiệp Việt Nam (chiếm 58%) và 26 doanh nghiệp còn lại là doanh nghiệp FDI (chiếm 42%). Trong số 26 doanh nghiệp FDI này, 38% là doanh nghiệp Hàn Quốc (10 doanh nghiệp), 23% là doanh nghiệp Nhật Bản (6 doanh nghiệp) và còn lại là các doanh nghiệp Hồng Kông, Ý, Đài Loan, Mỹ. Cả 62 doanh nghiệp này đều có các hoạt động xuất nhập khẩu rất sôi nổi và có giá trị lớn.

Theo số liệu từ hệ thống Ecosys của Bộ Công Thương (Hệ thống cấp C/O điện tử), có gần 72 doanh nghiệp có sản lượng xuất khẩu sang các nước ASEAN sử dụng C/O mẫu D trên 10 tỷ USD trong năm 2014 (đây là ngưỡng mà một doanh nghiệp phải đạt được để có thể được lựa chọn tham gia vào cơ chế tự chứng nhận xuất xứ). Rất nhiều doanh nghiệp FDI là các doanh nghiệp vừa và nhỏ và họ hầu như không có cơ hội để tham gia vào Dự án thí điểm này.

THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA

FTA hoặc hiệp định được áp dụng

45/62 (tương đương 72,6%) doanh nghiệp điền vào chỗ trống là “FTA ASEAN-Trung Quốc”. Điều này cho thấy thị trường Trung Quốc đóng vai trò quan trọng trong ngoại thương của Việt Nam (xét thương mại hai chiều, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam năm 2015 với giá trị xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc đạt 15 tỷ USD và giá trị nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam đạt 35 tỷ USD).

8/62 (tương đương 12,9%) doanh nghiệp tích vào ô “ATIGA”, cho thấy một số sự tương đồng trong cơ cấu sản xuất-xuất khẩu sang các nước ASEAN. Sản lượng xuất khẩu của các doanh nghiệp này sang các nước ASEAN ít hơn sản lượng họ xuất khẩu ra thế giới. Mặc dù dự án chỉ là thí điểm, là bước chuẩn bị cho tự chứng nhận xuất xứ trong các FTA thế hệ mới sắp tới như TPP hay EVFTA, nhưng rất nhiều doanh nghiệp không có ý định thực hiện cơ chế này trong ASEAN. Thị trường xuất khẩu mục tiêu của họ là TPP và EU.

56/62 (tương đương 90,3%) doanh nghiệp tích vào ô “TPP, 49/62 (tương đương 79%) doanh nghiệp tích vào ô “EVFTA” cho thấy các nhà xuất khẩu rất quan tâm đến các thị trường Mỹ/TPP và EU. Trong số 56 doanh nghiệp quan tâm đến TPP, 18 doanh nghiệp tích vào ô “TPP-dệt may” và số còn lại (38/56) tích vào “TPP-các mặt hàng khác dệt may”. Chúng ta đều biết ra TPP là một FTA đặc biệt (so với 15 FTA khác của Việt Nam), có một chương riêng về

dệt may. Chúng ta cũng đều biết rằng ngành dệt may Việt Nam sẽ là một trong những ngành kỳ vọng được hưởng lợi nhiều nhất từ Hiệp định này. Tuy nhiên, số lượng các doanh nghiệp ngành này phản hồi Phiếu điều tra không cao. Vì vậy cần phải tổ chức nhiều hội thảo/tọa đàm chuyên sâu chỉ tập trung vào ngành dệt may hướng đến các đối tượng này.

Hàng hóa khai trong Phiếu điều tra

15/62 (tương đương 24%) doanh nghiệp xuất khẩu

- **Nông sản** (chủ yếu là thủy sản và gạo) (bao gồm Chương 3, 10, 11 và 16);

Số còn lại (47/62 doanh nghiệp, tương đương 76%) xuất khẩu hàng công nghiệp. Trong đó 18 doanh nghiệp xuất khẩu

- Hàng dệt may
- Và số còn lại (29/47 doanh nghiệp) xuất khẩu da giày, hóa chất, thép, đồ gỗ và ô tô.

Phân loại mã HS

100% doanh nghiệp tích vào ô “Khách hàng tại nước nhập khẩu xác định xuất xứ hàng hóa của công ty”. Nguyên nhân tại sao 100% doanh nghiệp lựa chọn câu trả lời này là do Mục số 7 trên tờ C/O ưu đãi về “mã HS của bên nhập khẩu”.

Tại Việt Nam, sự khác nhau trong mã HS giữa “Tờ khai Hải quan Xuất khẩu từ Bên xuất khẩu” và “C/O ưu đãi” không ảnh hưởng đến việc thông quan hàng hóa xuất khẩu. Để chắc chắn hơn, các nhà xuất khẩu Việt Nam thường được nhà nhập khẩu cam kết bằng văn bản rằng “chúng tôi, bên nhập khẩu, chịu trách nhiệm đối với mã HS khai trên C/O”.

Cơ quan phát hành C/O

100% doanh nghiệp tích vào ô “Cơ quan nhà nước”; 20/62 (tương đương 32%) tích vào 2 ô “Cơ quan nhà nước” và “Cơ quan khác”. Trong ô “Cơ quan khác”: 14/20 doanh nghiệp điền vào là “Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI” còn 6/20 doanh nghiệp điền là “Ban Quản lý Khu Công nghiệp”.

100% doanh nghiệp chọn ô “Cơ quan nhà nước” là vì cơ chế tự chứng nhận xuất xứ được áp dụng đầu tiên là theo ATIGA, sau đó đến TPP, EVFTA và có thể là VKFTA hay AANZFTA, AJCEP... và mọi loại C/O ưu đãi theo các FTA là do cơ quan nhà nước phát hành.

Hiện tại, Bộ Công Thương phụ trách tất cả các vấn đề liên quan đến xuất xứ và C/O.

Bộ Công Thương giao nhiệm vụ cho VCCI phát hành C/O không ưu đãi, 37 Ban quản lý các khu công nghiệp phát hành C/O ưu đãi mẫu D và chỉ C/O mẫu D. Bộ Công Thương trao quyền cho 20 phòng quản lý xuất nhập khẩu (thuộc Bộ Công Thương) phát hành mọi loại C/O ưu đãi.

Số liệu thống kê về C/O

50% doanh nghiệp đăng ký ít nhất 500 C/O mỗi năm trong vòng hai năm qua. Các loại C/O phổ biến là C/O mẫu B (C/O không ưu đãi do VCCI phát hành), mẫu D (ATIGA); mẫu E

(ACFTA); mẫu AJ (AJCEP) và mẫu AK (AKFTA).

Các câu hỏi xác định xuất xứ

100% các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa Chương 10 tích vào ô “Xuất xứ thuần túy”. 100% doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa thuộc các Chương khác Chương 10 tích vào ô “Chuyển đổi mã hàng hóa” và “Tiêu chí hàm lượng nội địa”. Tuy nhiên, không có nhiều doanh nghiệp biết về Tiêu chí ngưỡng tối thiểu (De Minimis), Hàng hóa có thể thay thế; Cộng gộp một phần (với ngưỡng 20%) trong ATIGA nên họ không thể tối đa hóa lợi ích từ các FTA khi không sử dụng các nguyên tắc này. Khi được phỏng vấn, 100% doanh nghiệp đều cho biết họ muốn có các quy tắc thay thế cho các tiêu chí như “Hàm lượng nội địa” hoặc “Chuyển đổi mã hàng hóa” để có thêm lựa chọn áp dụng tiêu chí xuất xứ phù hợp cho hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp.

Kết luận

Hiện có khoảng 18,000 doanh nghiệp tham gia và hệ thống Ecosys và Bộ Công Thương có thể giám sát và quản lý các hoạt động đăng ký và phát hành C/O của các doanh nghiệp này. Số lượng doanh nghiệp tham dự hai hội thảo đồng tổ chức bởi Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) và Dự án EU-MUTRAP là vào khoảng 200 doanh nghiệp (chiếm 1,1% tổng số doanh nghiệp cần phải được cập nhật thông tin/kiến thức mới về FTA và Quy tắc xuất xứ cũng như là cơ chế tự chứng nhận/tự khai báo xuất xứ). Tỷ lệ tận dụng các FTA đã có hiệu lực (như ATIGA, AJCEP, AANZFTA, ACFTA,...) vẫn còn thấp mặc dù quy tắc xuất xứ của các hiệp định này ít khắt khe và phức tạp hơn các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như TPP và EVFTA.

Vì vậy, việc đào tạo chuyên sâu cho các bên liên quan là thực sự cần thiết, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết một loạt các FTA trong vài năm gần đây và có những quy định mới (Tự chứng nhận xuất xứ/tự khai báo xuất xứ/Cộng gộp đầy đủ/Quy tắc từ sợi trở đi,...)/.

7.7 Phụ lục 7 – Phân phân tích đặc biệt – FTA và tác động của quy tắc xuất xứ (QTXX) đối với ngành dệt may Việt Nam

(Thực hiện bởi các chuyên gia trong nước)

1. Tầm quan trọng của QTXX trong ưu đãi thuế quan

Việt Nam đã tham gia vào 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 11 Hiệp định đã ký (9 HĐ đã ký và thực hiện và 2 HĐ đã ký nhưng chưa thực hiện – như TPP và 5 HĐ chưa ký). Một HĐ gồm có nhiều chương và cấu phần: Thương mại hàng hóa, Thương mại dịch vụ, Đầu tư, Sở hữu trí tuệ, Lao động – Di chuyển thể nhân, Các biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS), Hàng rào phi thuế quan đối với thương mại (TBT), Cơ chế giải quyết tranh chấp (DSM),... Tuy nhiên, một trong những cấu phần quan trọng nhất của FTA, cho ra kết quả hữu hình ngay từ khi FTA có hiệu lực – là Thương mại hàng hóa với đa số các dòng thuế về 0% ngay khi FTA có hiệu lực. Cách duy nhất để hưởng mức thuế quan lý tưởng này là hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về QTXX trong FTA tương ứng. Nếu không có QTXX, các đàm phán thuế quan sẽ trở nên vô nghĩa. Chỉ khi QTXX, Quy tắc cụ thể mặt hàng được đáp ứng, hàng hóa mới được phát hành Chứng nhận Xuất xứ ưu đãi. Các FTA chất lượng cao thế hệ mới (như TPP hay EVFTA) và mà số FTA khác (như ASEAN) có các điều khoản quy định về tự chứng nhận/tự xác nhận xuất xứ, cho phép doanh nghiệp chủ động khai báo vào chịu trách nhiệm về xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu, thay vì phải đến cơ quan được Bộ Công Thương Việt Nam chỉ định và chờ đợi để được phát hành C/O. C/O ưu đãi (sau này sẽ là tự chứng nhận xuất xứ ưu đãi) là hộ chiếu của hàng hóa xuất – nhập khẩu – là văn bản pháp lý quan trọng nhất để cơ quan hải quan nước nhập khẩu lấy làm cơ sở xem xét ưu đãi thuế quan theo FTA. Đây cũng là động lực cốt lõi thu hút FDI vào Việt Nam để đầu tư vào các yếu tố Việt Nam còn thiếu và yếu; để sản xuất hàng hóa xuất sang các nước thành viên FTA (trong đó có Mỹ và EU) nói riêng và ra thế giới nói chung, giúp doanh nghiệp FDI có được C/O ưu đãi từ Việt Nam để hưởng các ưu đãi thuế quan theo các FTA tương ứng.

Theo số liệu thống kê, tỷ lệ tận dụng FTA của Việt Nam không cao (trừ FTA ASEAN-Hàn Quốc với tỷ lệ từ 60-85% một năm). Tất cả các FTA đã đưa vào thực thi khác của Việt Nam chỉ đạt tỷ lệ trung bình khoảng 35%. Có nghĩa là 65% sản lượng còn lại bị áp dụng mức thuế MFN – là mức cao hơn nhiều so với mức thuế FTA (chỉ từ 0-5%). Tỷ lệ này được tính bằng tổng sản lượng xuất khẩu được hưởng mức thuế theo FTA chia cho tổng sản lượng xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường FTA. Một trong những nguyên nhân chính là do doanh nghiệp không có hiểu biết đầy đủ về QTXX nên không thể tận dụng các ưu đãi xuất xứ, không có được C/O ưu đãi và vì vậy mà không được hưởng mức thuế quan ưu đãi từ 0-5% của FTA. Về cơ bản, các QTXX trong các FTA đã được Việt Nam thực thi là khá linh hoạt và không khó bằng QTX trong TPP và EVFTA. Với các FTA thế hệ cũ đã có hiệu lực (ATIGA, ACFTA, AKFTA, AIFTA, AANZFTA,...), tỷ lệ tận dụng FTA của Việt Nam vẫn thấp. Do đó, nếu các FTA mới như TPP và EVFTA với các QTXX phức tạp và khó như vậy, nếu không có các khóa đào tạo/hội thảo chuyên sâu kịp thời và liên tục, nếu doanh nghiệp (với 98% là doanh nghiệp vừa và nhỏ) không cập nhật thông tin và trang bị kiến thức đầy đủ về FTA, thì làm sao tỷ lệ tận dụng FTA của Việt Nam có thể tăng lên được? Làm sao giá trị gia tăng trong sản phẩm cuối cùng sản xuất tại Việt Nam có thể tăng lên được?

Tỷ lệ tận dụng FTA (tại Việt Nam năm 2015)

FTA	Sản lượng xuất khẩu sử dụng C/O ưu đãi (USD)	Tổng sản lượng xuất khẩu (US\$)	Tỷ lệ tận dụng FTA của Việt Nam
ASEAN	4.3 tỷ	18.3 tỷ	23.5%
ACFTA	5.5 tỷ	17.1 tỷ	32.2%
AKFTA	5.3 tỷ	8.9 tỷ	59.6%
AANZFTA	0.9 tỷ	3.2 tỷ	28.1%
AJCEP + VJEPA	4.8 tỷ	14.1 tỷ	34%
VCFTA	0.37 tỷ	0.65 tỷ	56.9%
AIFTA	0.8 tỷ	2.5 tỷ	32%
Hoa Kỳ		33.5 tỷ	
TPP (2018)	?????	?????	??????????????

2. So sánh TPP và EVFTA với các FTA khác của Việt Nam

TPP được coi là một FTA thế hệ mới toàn diện, thể hiện qua số lượng và nội dung các chương và các điều khoản của hiệp định này. TPP cũng xem là một FTA kỳ lạ nhất từ trước đến nay (phạm vi xuyên Thái Bình Dương, kết nối các quốc gia có mức độ phát triển kinh tế, hệ thống chính trị, văn hóa và ngôn ngữ khác nhau cũng như có vị trí địa lý cách xa nhau) nhưng lại đem đến lợi ích lớn nhất cho thành viên, bằng cách điều chỉnh lại dòng chảy FDI hướng đến các thành viên của nó; điều chỉnh lại chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị trong khu vực; hạn chế những kẻ ngoại đạo không được hưởng lợi từ TPP thông qua một bộ QTXX riêng biệt và phức tạp. Theo đó, khi sản xuất một số sản phẩm chủ đạo như hàng dệt may, da giày, sản phẩm nhựa..., nhà sản xuất/xuất khẩu phải sử dụng một phần hoặc toàn bộ đầu vào có xuất xứ từ TPP để được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP. QTXX như vậy giúp tăng hàm lượng chế biến xuất xứ từ FTA trong các sản phẩm xuất khẩu, tăng giá trị gia tăng cho các nước xuất khẩu thuộc FTA.

Sự tuân thủ QTXX của FTA là điểm mấu chốt quyết định hàng hóa có hợp lệ để hưởng ưu đãi thuế quan hay không. Nếu ngành dệt may của Việt Nam nói chung là hàng hóa

xuất khẩu của Việt Nam nói riêng không thể đáp ứng các yêu cầu về QTXX của FTA, thì các ưu đãi thuế sẽ chẳng có ý nghĩa gì.

Trong hầu hết các FTA đã có hiệu lực của Việt Nam (trừ CEP ASEAN-Nhật Bản và EPA Việt Nam – Nhật Bản), đầu vào quần áo có thể lấy từ bất cứ đâu trên thế giới, với điều kiện là khâu cuối cùng (cut-make-trim – CMT) diễn ra tại Việt Nam thì sản phẩm này được gán xuất xứ từ Việt Nam và vì vậy có thể hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất sang các quốc gia thành viên ASEAN, sang Trung Quốc, Hàn Quốc, Chile. Với Hiệp định ASEAN – Úc – New Zealand và FTA ASEAN – Ấn Độ, QTXX khó hơn một chút vì yêu cầu thành phẩm phải có 40% hàm lượng nội địa + chuyển đổi mã hàng hóa ở cấp 4 chữ số hoặc 35% hàm lượng nội địa cộng chuyển đổi mã hàng hóa ở cấp 6 chữ số, có nghĩa là không chỉ quá trình CMT đơn thuần mà cần phải có ít nhất 35% hoặc 40% hàm lượng nội địa được tạo ra trong khu vực FTA. Theo AJCEP và VJEPA thì không chỉ quá trình CMT mà cả vải cũng phải xuất xứ từ FTA. Nói cách khác, Việt Nam không thể nhập vải từ Đài Loan hay Trung Quốc hay Hàn Quốc rồi sau đó thực hiện quá trình CMT và xuất sang Nhật Bản mà được hưởng ưu đãi thuế quan.

Cũng giống như AJCEP/ VJEPA, EVFTA cũng yêu cầu quy tắc “từ vải trở đi”. Tuy nhiên, EVFTA đưa ra một quy tắc linh hoạt hơn tên là “Cộng gộp bên thứ ba”, có nghĩa là Việt Nam có thể nhập khẩu vải từ bất kỳ nước nào có ký kết FTA với cả Việt Nam và EU (ví dụ như Singapore và Hàn Quốc).

TPP đặt ra mức độ khó nhất là quy tắc “từ sợi trở đi”, có nghĩa là từ sợi → vải thô/vải chưa nhuộm → vải hoàn thiện → cut, make, trim → quần áo thành phẩm: tất cả các quá trình này phải được thực hiện trong khu vực TPP. Mặc dù TPP khó hơn so với các FTA khác, xét về QTXX đối với hàng may mặc, TPP vẫn có một số quy tắc linh hoạt, ví dụ như “danh mục nguồn cung thiếu hụt”, cho phép một số loại đầu vào lấy từ ngoài TPP (có 8 loại nguyên liệu có thể lấy nguồn từ bất kỳ đâu trên thế giới với thời hạn 5 năm kể từ khi TPP có hiệu lực; 186 loại nguyên liệu có thể vĩnh viễn lấy nguồn trong hoặc ngoài TPP). TPP cũng áp dụng cơ chế “1 đổi 1” đối với quần vải cotton, có nghĩa là cho phép mua một sản phẩm tương tự làm từ vải cotton không có xuất xứ TPP để tạo ra quần xuất sang Mỹ và hưởng ưu đãi thuế quan. Hiệp định này cũng linh hoạt đối với các mặt hàng túi xách, vali, áo lót nữ, quần áo trẻ em làm từ sợi tổng hợp. Các sản phẩm này vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan TPP mà không cần sử dụng nguyên liệu có xuất xứ TPP, nghĩa là sợi và vải có thể nhập từ bất kỳ đâu trên thế giới, và chỉ quá trình CMT diễn ra tại Việt Nam là được.

3. Đầu tư nước ngoài vào ngành dệt may Việt Nam

Các số liệu thống kê cho thấy tính từ Dự án FDI đầu tiên vào năm 1988 tới nay, đã có 1865 dự án dệt may với vốn đăng ký đạt 14,4 tỷ USD. Trong giai đoạn 2010 (năm Việt Nam gia nhập TPP với tư cách thành viên đầy đủ) – tháng 6 năm 2016, đã có hơn 700 dự án FDI đầu tư vào lĩnh vực dệt may. Con số này cho thấy cộng đồng doanh nghiệp quốc tế có sự quan tâm rất lớn đến thị trường Việt Nam, nơi được dự kiến sẽ hưởng lợi nhiều nhất từ TPP, đặc biệt là đối với hàng dệt may.

Có 50 quốc gia/vùng lãnh thổ/nền kinh tế đầu tư và lĩnh vực dệt may ở Việt Nam. 5 quốc gia đứng đầu là Hàn Quốc (với 786 dự án), Đài Loan (286 dự án), Hồng Kông (148 dự án), Nhật Bản (131 dự án) và Trung Quốc (100 dự án). Trước năm 2001 (năm 2000 Việt

Nam ký hiệp định thương mại song phương với Mỹ và hiệp định này có hiệu lực vào năm 2001), chưa có năm nào tổng vốn FDI đăng ký trong ngành dệt may đạt trên 500 triệu USD. Năm 2006, hai năm sau khi Hiệp định WTO về Hàng dệt may hết hạn (*ngày 31 tháng 12 năm 2004), lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam đã cán mốc 1 tỷ USD vốn đầu tư và ngành dệt may. Năm 2009, chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, FDI ngành dệt may của Việt Nam cũng giảm, chỉ đạt gần 200 triệu USD. Giai đoạn 2010-2016, một lượng lớn các dự án FDI liên tục đổ vào Việt Nam để bắt kịp với làn sóng FTA thế hệ mới như TPP và EVFTA. Số liệu thống kê cho thấy FDI ngành dệt may tăng theo từng năm, đặc biệt năm 2013 đạt 1,3 tỷ USD, năm 2014 đạt 1,8 tỷ USD và năm 2015 đạt 2,6 tỷ USD. Chỉ riêng trong 6 tháng đầu năm nay, đã có đến 92 dự án FDI ngành may mặc với tổng số vốn đăng ký lên tới 661 triệu USD.

Trong số 63 tỉnh thành Việt Nam, có 48/63 tỉnh có các dự án FDI ngành dệt may. 5 tỉnh/thành phố đứng đầu về số lượng dự án/vốn FDI là Đồng Nai (2,8 tỷ USD), Bình Dương (2 tỷ USD), Tp. HCM (1,8 tỷ USD), Tây Ninh (1,5 tỷ USD) và Hải Dương (1,1 tỷ USD), trong đó riêng Công ty Tinh Lôi có 100% vốn Hồng Kông đã chiếm 500 triệu USD). 5 tỉnh/thành phố kể trên chiếm 2/3 tổng vốn FDI đầu tư vào ngành dệt may ở Việt Nam. Điều này cũng cho thấy FDI phân bổ vào các địa phương có cơ sở hạ tầng công nghiệp tốt, gần sân bay/cảng biển, gần các trung tâm kinh tế/ công nghiệp của đất nước. Vì thế, cần phải kêu gọi đầu tư cho các tỉnh thành khác, để tạo nhiều việc làm hơn cho các địa phương xa xôi hẻo lánh.

Bên cạnh việc xuất khẩu sản lượng lớn quần áo, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu rất nhiều loại nguyên liệu. Theo thống kê, các đầu vào chính để tạo ra quần áo được nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan và Ấn Độ - đây đều là các nước không tham gia TPP/EVFTA. Việt Nam cũng sử dụng đầu vào từ Hàn Quốc (EVFTA cho phép nhập khẩu đầu từ Hàn Quốc), tuy nhiên sản lượng rất nhỏ. Đây thực sự là cơ hội cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế tích cực đầu tư vào các khâu sản xuất Việt Nam còn thiếu và yếu. Nếu không thể gia tăng năng lực sản xuất đầu vào xuất xứ TPP/EVFTA, cơ hội tận dụng lợi ích từ các FTA này sẽ không được như mong đợi.

Các loại đầu vào Việt Nam phải nhập khẩu (năm 2014)

Mã HS của một số nguyên liệu chủ yếu	Tổng giá trị nhập khẩu (tỷ USD)	Nhập khẩu từ TPP (tỷ USD)	Nhập khẩu ngoài TPP (%)	Nhập khẩu từ EU (tỷ USD)	Nhập khẩu từ Hàn Quốc (tỷ USD)
Chương 51	0.057	0.016	72%	0	0
52.01	1.422	0.6	58%	0	0
52.08	0.6	0.028	95.5%	0	0.061
54.07	1.1	0.12	89%	0	0.27

52.09	0.54	0.026	92.2%	0	0.038
54.02	0.7	0.027	96%	0	0.059
55.12	0.8	0	100%	0	0.23
55.15	0.93	0	100%	0	0.12
59.03	0.72	0.01	86%	0	0.15
60.04	0.7	0.002	99%	0.001	0.16
60.06	1.93	0.003	99%	0	0.52

4. Đề xuất

TPP/EVFTA và các FTA khác thực sự là cơ hội nếu doanh nghiệp nắm vững các quy tắc xuất xứ, lựa chọn tiêu chí xuất xứ phù hợp và áp dụng đúng các quy trình xuất xứ. Mặt khác, các FTA này sẽ trở thành thách thức và cạm bẫy nếu doanh nghiệp không biết mã HS chính xác, không biết cách áp dụng đúng quy tắc xuất xứ, quy trình chứng nhận/tự chứng nhận/tự khai báo. Việt Nam có hàng trăm nghìn doanh nghiệp/xưởng dệt may nhưng không đến 1% số đó được trang bị kiến thức đầy đủ về vấn đề này. Vậy nên đào tạo về xuất xứ là thực sự cần thiết và cấp bách, đặc biệt là trong bối cảnh các FTA này sẽ có hiệu lực trong vòng một hai năm tới. Nếu không, mức thuế quan áp dụng cho hàng hóa xuất từ Việt Nam sang EU hay các đối tác TPP vẫn chỉ là mức MFN thay vì mức thuế quan theo FTA. Khi đó, mức độ tận dụng lợi ích từ các FTA sẽ không được như kỳ vọng của Chính phủ và doanh nghiệp.